

## LỜI MỞ ĐẦU

Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai tròn 320 tuổi, kể từ năm 1698, khi Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định. Trong quá trình hình thành và phát triển lâu dài đó, với tinh thần đoàn kết, lòng yêu quê hương đất nước sâu sắc nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã xây dựng truyền thống cách mạng vẻ vang, tự hào với "Hào khí Đồng Nai" oai hùng. Bên cạnh đó, với hơn 30 dân tộc cùng sinh sống trên vùng đất này đã tạo dựng, gìn giữ và tích lũy một kho tàng đồ sộ những giá trị văn hoá tinh hoa, đặc sắc. Đây chính là tài sản vô giá, là niềm tự hào của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hướng tới kỷ niệm 320 năm Biên Hòa – Đồng Nai, Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2018 là một cơ hội để cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và tầng lớp nhân dân hiểu về giá trị văn hóa lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, các tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng của người dân Biên Hòa – Đồng Nai.

## PHẦN I

**TRONG 320 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI, NHÂN DÂN ĐỒNG NAI ĐÃ TRẢI QUA NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN NÀO? HÃY TRÌNH BÀY CẢM NHẬN CỦA ANH (CHỊ) VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI**



1698

1862

1945

1954

1975

2018

**NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN MÀ NHÂN DÂN ĐỒNG NAI ĐÃ TRẢI QUA TRONG 320 NĂM  
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI**

Kháng chiến  
chống pháp lần  
1

Kháng chiến  
chống pháp lần  
1

Kháng chiến  
chống Mỹ

## I. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN THỨ NHẤT



*Trương Định (1820-1864), gương cò nghĩa “Bình Tây đại nguyên soái” tập hợp nghĩa sĩ nổi dậy làm giặc Pháp bao phen hao binh, tổn tướng (Nguồn: Ảnh tư liệu Internet)*

Pháp đánh chiếm Biên Hòa từ tháng 12/1861 đến tháng Giêng 1862. Bất chấp sự đầu hàng đón hèn của vua tôi triều đình nhà Nguyễn, nhân dân Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước vẫn đứng lên chống giặc Pháp quyết liệt. Trước cảnh nước mất nhà tan, quê hương bị quân thù dày xéo, nhân dân Biên Hòa và miền Đông kiên quyết chống Pháp, đã liên tiếp nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp. Tiêu biểu như cuộc khởi nghĩa của Tổng lãnh binh Nguyễn Đức Ứng ở huyện Long Thành, khởi nghĩa của hai cha con Trương Định và Trương Quyền ở căn cứ Bàu Cá, Giao Loan...

Cuộc kháng chiến ở Biên Hòa do các văn thân lãnh đạo tạm thời lắng lại. Nhưng tinh thần yêu nước chống lại thực dân phong kiến vẫn âm ỉ cháy trong tim mỗi người dân nơi đây. Các “hội kín” được thành lập. Mục đích của các Hội kín này là tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp.

Diễn hình như hội kín ***Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh***. Ông quy tụ nhiều người yêu nước, đặc biệt tầng lớp thanh niên, chọn Bung Kiệu làm căn cứ để tích trữ lương thực và tập luyện võ nghệ. Kế hoạch tấn công quân Pháp bất thành, Đoàn Văn Cự và một số nghĩa quân hy sinh trong cuộc vây càn của quân Pháp vào năm 1905. Cự Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa quân hy sinh anh dũng và nằm chung một ngôi mộ (hiện tọa lạc tại Phường Tam Hiệp).

Ở quận Châu Thành tỉnh Biên Hòa (xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu) có Hội kín anh hùng Lâm Trung trại tập hợp được nhiều nghĩa phu yêu nước. Vào tháng 2 năm 1916, trại Lâm Trung tổ chức trận tấn công vào các công sở của chính quyền thực dân ở Biên Hòa. Do vũ khí thô sơ, lực lượng không nhiều nên cuộc tấn công không thành công. Sau sự kiện này, quân Pháp tổ chức truy lùng và tìm cách bắt các vị chỉ huy của Lâm Trung trại. Tháng 6 năm 1916, thực dân Pháp xử bắn 9 người lãnh đạo trại Lâm Trung tại địa điểm Đốc Sỏi trước sự chứng kiến của người dân địa phương. Những trại viên của hội kín yêu nước anh dũng hy sinh. Cảm khái trước lòng yêu nước của các nghĩa sĩ Trại Lâm Trung, nhân dân địa phương xây ngôi miếu thờ ở ngã ba Đốc Sỏi (là chùa Bửu Hưng Tự ngày nay).



Tác giả thăm quan Mô hình mô phỏng Cuộc đấu tranh của các nghĩa sĩ Lâm Trung trại trưng bày tại Bảo tàng Đồng Nai

Tuy nhiên, các phong trào này đã bị thực dân Pháp đàn áp dã man nên dần dần tan rã.



Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, sau khi đánh chiếm Biên Hòa, tư bản Pháp đã đổ xô đầu tư vốn khai thác tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là ngành công nghiệp khai thác cao su. Vì vậy, giai cấp công nhân ở Đồng Nai hình thành từ rất sớm. Mặc dù mới ra đời nhưng đội ngũ công nhân Biên Hòa đã không ngừng đấu tranh cho quyền lợi giai cấp bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao.

Tháng 12 năm 1926, 500 công nhân ở đồn điền cao su Cam Tiêm (Ông Quế) đồng loạt bãi công phản đối sự lừa gạt của bọn mộ phu; phản đối chủ sở không thực hiện những điều cam kết trong bản giao kèo. Bọn tư bản thực dân phải huy động lính đến đàn áp dã man để dập tắt cuộc bãi công



*Cuộc biểu tình ngòi của công nhân cao su Phú Riềng (Ảnh: nguồn Bảo Tàng tỉnh Bình Phước)*

Bên cạnh đó, công nhân nhà máy cưa BIF, công nhân đường sắt cũng liên tục tổ chức những cuộc đấu tranh nhỏ lẻ chống lại sự áp bức, bóc lột của bọn chủ tư bản đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Mặc dù vậy, thời gian này, những phong trào yêu nước, đấu tranh của nhân dân Biên Hòa đều mang tính tự phát, và hầu hết bị đàn áp, dập tắt. Nhưng qua đó cũng cho thấy, ý thức giai cấp, tình đoàn kết đã nảy sinh và ngày càng được nâng cao.

Tháng 8 và 9 năm 1927, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng cũng nhiều lần nổi dậy đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế với các yêu sách: Đòi thực hiện đúng hợp đồng giao kèo giữa chủ sở với công nhân; cấm đánh đập, cúp phạt; miễn sưu thuế; trả lương thai sản cho nữ công nhân; thực hiện ngày làm 8 giờ, kể cả thời gian đi và về; bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động; ốm đau phải được trị bệnh và được hưởng lương cùng một số kiến nghị khác. Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ và áp lực của đông đảo quần chúng công nhân, giám đốc sở buộc phải chấp nhận các yêu sách. Biên bản được ký tại chỗ giữa đại biểu công nhân và chủ đồn điền. Việc chủ tư bản hạ bút ký "cam kết" thực hiện những kiến nghị của công nhân là một thắng lợi vô cùng to lớn ở đồn điền cao su Phú Riềng từ trước cho đến thời điểm này.

Tháng 10-1929, trên cơ sở tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đơn điền cao su Phú Riềng được thành lập. Chi bộ gồm 6 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Từ những hạt giống đỏ này, đội ngũ cán bộ, cơ sở cách mạng ở Biên Hòa ngày một tăng thêm. Họ là những nhân cốt tổ chức, vận động đông đảo quần chúng lao động bước vào một thời kỳ đấu tranh mới có sự lãnh đạo của tổ chức cách mạng.

Năm 1935, Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều được thành lập gồm 7 đồng chí do đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư, khởi đầu giai đoạn yêu nước chống Pháp ở Đồng Nai đi theo Chủ nghĩa Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự ra đời của chi bộ Bình Phước-Tân Triều và các cơ sở của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Biên Hòa (Đồng Nai hiện nay), là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.



Hình ảnh khu di tích Thành lập chi bộ Đảng đầu tiên Bình Phước Tân triều



Mô hình thành lập chi bộ đảng tại Bảo tàng Đồng Nai

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp làm bí thư. Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập các tổ chức bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp để tập hợp lực lượng, tuyên truyền giác ngộ cách mạng, phát động quần chúng

đấu tranh. Tổ chức Công hội đỏ được bí mật xây dựng ở nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, các sở cao su ở Long Thành, Xuân Lộc. Phổ biến nhất là các hội ái hữu như: hội chùa, hội miếu, hội đá bóng, hội lân, hội cày, hội cấy được tổ chức ở nhiều nơi, thu hút hàng vạn người tham gia.

Phong trào cách mạng dấy lên sôi nổi, đều khắp. Hòa nhịp với những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, phong trào đấu tranh của các tầng lớp lao động khác trong tỉnh cũng diễn ra sôi nổi. Điều này chứng tỏ các tổ chức Đảng đã thành công trong việc thức tỉnh và tập hợp những lực lượng tiềm năng...



Hình ảnh cách mạng tháng 8 tại Biên hòa

Sau khi nhận chủ trương của Xứ uỷ Nam kỳ, Uỷ Ban khởi nghĩa khẩn trương tổ chức và lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trong toàn tỉnh. Chỉ trong 2 ngày 24 và 25/8, bộ máy chính quyền thực dân Pháp tại Biên Hoà hầu như đã bị sụp đổ. Thanh niên Tiên phong và tự vệ chiến đấu đã chiếm giữ các công sở, toà bố.

Vào ngày 23/9/1945, tại nhà hội Bình Trước đã diễn ra sự kiện kịch sử quan trọng: Hội nghị đại biểu tỉnh Biên Hoà quyết định thành lập Tỉnh Uỷ đầu tiên sau khi giành được chính quyền trong toàn tỉnh. Hội nghị cũng đã bầu Ban chấp hành Tỉnh uỷ lâm thời gồm 11 đồng chí (bằng phiếu kín). Đây là một trong những sự kiện lịch sử trọng đại đánh dấu bước phát triển của Đảng bộ Biên Hoà trước khi bước vào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân dân khắp nơi trong tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng các chủ trương của Đảng bộ đề ra, hết lòng ủng hộ chính quyền cách mạng còn non trẻ vượt gian khổ, chống gai bảo vệ những thành quả vừa giành được



Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng dậy, đập tan bộ máy thống trị của thực dân, giành lấy độc lập tự do cho Tổ quốc. Phần khởi tự hào trước thắng lợi giành được, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã đoàn kết một lòng, khắc phục những khó khăn trở ngại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

## II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN THỨ HAI (1945 – 1954)

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập, chính quyền mới ra đời còn rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai.



Thành Biên Hòa – một trong những mục tiêu tấn công của lực lượng vũ trang khi tấn công vào tỉnh lỵ Biên Hòa

Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2-1-1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn, cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

Trận La Ngà: Trận đánh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị chết.

Chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng. Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khu kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông bấy giờ; trận đánh đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam.



Tác giả tham quan mô hình tháp canh Cầu bà kiên tại Bảo tàng Đồng Nai

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên do đồng chí Trần Công An chỉ huy gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.



Quân dân Biên Hòa - Đồng Nai, qua chín năm kháng chiến với bao gian khổ hy sinh, mất mát, đau thương, vượt bao thử thách góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, làm rạng danh đất "Miền Đông gian lao mà anh dũng" của Nam bộ thành đồng Tổ quốc mà Bác Hồ đã phong tặng từ những ngày đầu kháng chiến.





### III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 -1975)

#### *Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (12/1956)*

Với quyết tâm thoát khỏi nhà tù đế quốc, trở về với Đảng, với nhân dân để tiếp tục chiến đấu, giải phóng dân tộc, 17 giờ 50 phút ngày 02/12/1956, được sự nhất trí của Liên Tỉnh uỷ miền Đông, những chiến sĩ cộng sản trong nhà lao Tân Hiệp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Trọng Tâm - phụ trách Đảng uỷ nhà tù và một số đồng chí khác đã bắt đầu làm một cuộc phá xiềng tập thể giải thoát gần 500 đồng chí, đồng bào yêu nước. Tuy chưa giải thoát được hết các tù chính trị tại nhà lao nhưng Cuộc phá khám là một tiếng vang lớn lúc bấy giờ đã làm xôn xao cả Lầu Năm góc. Đây là cuộc nổi dậy ngoạn mục của lực lượng tù chính trị, cuộc vượt ngục tập thể lớn nhất, gan dạ nhất chưa từng có trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta.



#### *Trận đầu diệt Mỹ*

19 giờ ngày 7-7-1959 một phân đội 5 chiến sĩ đặc công được đơn vị C250 Biên Hoà tiến công vào trụ sở đoàn MAAG. Sau 15 phút tập kích, 2 lính Mỹ bị tiêu diệt (thiếu tá D.Buis và Trung sĩ C. Ovmand). Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của quân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trận đánh ở "Nhà Xanh" đêm 7 rạng 8-7-1959 là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay, tại thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-ton (Washington) trên bức tường đá ghi tên những quân nhân Mỹ chết trận tại Việt Nam theo thứ tự thời gian thì Dale. R. Buis và Chester. M. Ovmand là hai lính Mỹ đầu tiên trong danh

sách.



### ***Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa.***

23 giờ 20 phút đêm 31 tháng 10 năm 1964, bão lửa từ các khẩu đội cối 81 ly, pháo D9KZ 75 ly, pháo bộ binh 70 ly của ta dội lên đầu thù. Ta đã bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xcaraidơ,... 1 kho đạn pháp 105 ly, 1 đài quan sát sân bay, nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính địch bị chết.

Trận tập kích bằng pháo vào sân bay Biên Hòa là đòn đánh bất ngờ gây choáng váng cho địch. Tổng thống Mỹ đang đi vận động tranh cử phải vội vã quay về Nhà Trắng để nghe báo cáo về sân bay Biên Hòa bị quân ta tiến công.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1965 đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và nguy quyền, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.



Cảnh đổ nát của sân bay Biên hòa sau trận đánh 31/10/1964 (Ảnh tư liệu)



Tác giả tham quan tượng đài chiến thắng sân bay Biên Hòa

## ***Đặc công đánh tổng kho Long Bình***



Một phần tổng kho Long Bình, kho dự trữ đạn dược lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam (Ảnh tư liệu)

Ngày 23-6-1966 bộ đội đặc công đánh vào Tổng kho gây thiệt hại nặng cho địch, huỷ diệt 40.000 quả đạn pháo các loại. Đây là trận đánh đặc công đầu tiên của đặc công Biên Hoà, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Cuối năm 1966 vào các tháng 10, 11, 12 bộ đội đặc công U1 đã 3 lần tấn công Tổng kho Long Bình, phá huỷ 353.000 đạn pháo và các loại bom. Đêm 3-2-1967 bộ đội đặc công U1 đột nhập Tổng kho đặt mìn hẹn giờ, làm nổ tung 40 dãy kho, phá huỷ 800.000 quả đạn pháo. Đây là trận tiến công đầu tiên vào Tổng kho Long Bình của Mỹ, phá huỷ và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hoà.

### ***Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.***

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị tại Pa-ri và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

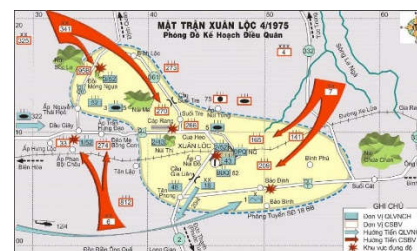
Xuân Mậu Thân 1968, lần đầu tiên lực lượng quân giải phóng đã xuất hiện và tiến công địch tại thị xã Biên Hòa và các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh. Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm phục. Tấm lòng của nhân dân thị xã Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ. Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đẽ bẽp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

## ***Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy***

1 giờ sáng ngày 21-4-1975, quân ta mở đợt tấn công cuối cùng, nhưng toàn bộ Sư đoàn 18 ngụy đã rút chạy khỏi Xuân Lộc từ 10 giờ đêm 20-4. Trên hướng tinh lộ số 2, đại đội 41 quân giải phóng chặn đánh tàn quân địch bắt sống hàng trăm tên, trong đó có Đại tá Phạm Văn Phúc, tinh trưởng Long Khánh. 8 giờ sáng ngày 21-4-1975, ngụy quân, ngụy quyền Thị xã Long Khánh tháo chạy, tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch bị đập tan, cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta ở hướng đông được mở, kết thúc chiến dịch lịch sử Xuân Lộc. Sau thất bại ở Xuân Lộc, ngày 23-4-1975, Tổng thống Mỹ tuyên bố: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ”.

Chiến dịch tiến công Xuân Lộc thắng lợi đã đập tan “Cánh cửa thép”, cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, làm rung chuyển cả hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở xung quanh Sài Gòn. Thắng lợi của chiến dịch Xuân Lộc đã tạo một địa bàn tập kết thuận lợi, cho các binh đoàn chủ lực tiến công vào Sài Gòn từ hướng Đông, một thế trận mới rất có lợi làm nên chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà vào ngày 30/4/1975.

Đây là một điểm son chói lọi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau



## ***Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai***

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện phương châm chỉ đạo “các địa phương nổi dậy, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện”, các địa phương trong tỉnh lần lượt nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 20-3-1975, giải phóng Tân Phú, Định Quán

Ngày 21-4-1975, giải phóng Long Khánh, Xuân Lộc.

Ngày 28-4-1975, giải phóng Thống Nhất

Ngày 29-4-1975, giải phóng Long Thành, Nhơn Trạch

Ngày 30-4-1975, giải phóng Biên Hoà, Vĩnh Cửu, quân dân Biên Hoà chiếm Toà hành chính, giải phóng hoàn toàn quê hương, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 21 năm, mở ra kỉ nguyên mới cho đất nước: Độc lập, thống nhất đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Nhân dân vui mừng sau khi Biên Hoà hoàn toàn giải phóng năm 1975*



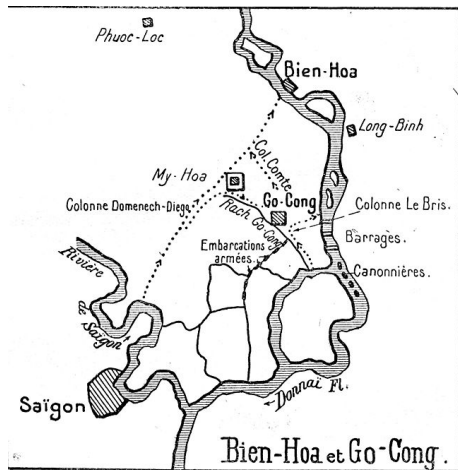
Mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



## **TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI**

*Trải qua hơn 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, quân dân Biên Hòa đã tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ quê hương, đất nước, hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc. Tổng số thời gian mà dân Biên Hòa có chiến tranh kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Biên Hòa (1861) đến Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng toàn tỉnh là hơn 114 năm. Trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước, bảo vệ quê hương, quân dân Biên Hòa đã tạo nên những trang sử hào hùng, vẻ vang. Truyền thống đấu tranh cách mạng cũng gắn với tên gọi Đồng Nai – được vinh danh trong lịch sử với Hào khí Đồng Nai oai hùng, hiển hách..*

## ***Biên Hòa là căn cứ kháng chiến quan trọng từ những ngày đầu kháng Pháp***



Về phương diện địa lý, Biên Hòa cách Gia Định khoảng 30 cây số tính theo đường chim bay. Tất cả các con đường dẫn đến Biên Hòa trên bộ cũng như dưới nước đều được phòng thủ chặt chẽ. Cách Biên Hòa khoảng 8 cây số về phía Tây Nam có một chiến lũy Mỹ Hòa với 3.000 quân trấn đóng. Ở phía Nam Biên Hòa có tiền đồn Gò Công và một số ồ đê kháng phòng thủ. Dưới sông Đòng Nai từ Nhà Bè đến Biên Hòa có chín cản gỗ đóng cừ và một cản đá hàn rất vững chắc. Dưới sông chỗ nào có cản thì trên bờ được xây dựng pháo đài, bố trí súng thần công yểm trợ khi cần thiết. Vị thế của Biên Hòa rất quan yếu đối với Sài Gòn, Gia Định.

Khi Pháp xâm lược Biên Hòa, nhân dân Biên Hòa căm thù giặc, thực hiện “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với kẻ thù. Đặc biệt, phong trào toàn dân kháng chiến ở Biên Hòa rất phát triển. Trước cảnh nước mất nhà tan, quê hương bị quân thù giày xéo, quan quân triều đình thì cứ án binh bất động tại Bình Thuận, nhân dân Biên Hòa vẫn sôi sục lòng căm thù quân xâm lược, đi theo ngọn cờ kháng chiến của các sĩ phu yêu nước lãnh đạo. Tầng lớp các nho sĩ trước vận mệnh thời cuộc đã tách mình ra khỏi giai cấp thống trị, đứng hẳn về phía nhân dân, nêu cao truyền thống chống ngoại xâm với ý thức gìn giữ chủ quyền đất nước.

*Có thể thấy, ngay từ đầu trong công cuộc chống Pháp ở Nam kỳ, Biên Hòa là một căn cứ kháng chiến quan trọng, vừa có “địa lợi, nhân hòa”. Đó là vị trí địa lý quan yếu và người dân nơi đây với nhiệt tình yêu nước sâu sắc. Biên Hòa được xem như một trung tâm xuất phát của phong trào dân chúng nổi dậy đánh quân Pháp xâm lược và lan tỏa về các tỉnh khác ở Nam kỳ.*

### ***Ý chí chiến đấu bất khuất của nhân dân Biên Hòa***

Xuất phát từ tình cảm yêu nước, căm thù kẻ thù xâm lược thống trị đất nước và bọn phong kiến tay sai, đông đảo quần chúng nhân dân Biên Hòa tham gia vào các tổ chức hội kín yêu nước. Hoạt động của các tổ chức Hội kín này làm cho thực dân Pháp hết sức lo lắng. Một số phong trào hội kín điển hình như: nhóm nghĩa quân hội kín do nhà sư Trần Văn Tấn (pháp hiệu Huyền Vi) trụ trì chùa

Giác Lâm, phục kích và đâm chết tên tri phủ Long Thành, Trần Bá Hựu, khét tiếng gian ác (1885); lực lượng nghĩa quân Hội kín ở Long Thành tham gia phá khám Sài Gòn (1916); tổ chức hội kín do Đoàn Văn Cự thành lập quy tụ nhiều danh tài hảo hớn, tinh thông võ nghệ, coi việc nghĩa là việc đại sự, một lòng vì nước, vì dân; hay Trại Lâm Trung quy tập các nhân vật yêu nước tinh thông võ nghệ. Khi thực dân Pháp kết án tử hình 9 lãnh tụ của Trại Lâm Trung; các ông đồng dục: “Ta sinh làm tướng, chết làm thần”, và đồng dục: “Cứ bắn ta đi! Sở này không sợ đâu. Cái chết ta thị như quy tân gia”.



Tác giả tham quan Bửu hưng tự



Đền thờ Đoàn Văn Cự

## ***Phong trào yêu nước của công nhân và nhân dân lao động Biên Hòa được soi sáng bởi đường lối cách mạng vô sản***

Từ năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hóa" nhiều cán bộ cách mạng đã len lỏi vào làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền... tuyên truyền vận động và xây dựng tổ chức cách mạng đồng thời cũng để tự rèn luyện lập trường giai cấp công nhân. Từ những hạt giống cách mạng này đã thu hút đông đảo quần chúng lao động bước vào một thời kỳ đấu tranh mới có sự lãnh đạo của tổ chức cách mạng. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dấy lên ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su.

Giai cấp công nhân Biên Hòa đứng lên đấu tranh bằng nhiều hình thức, từ hình thức bỏ trốn cá nhân, tập thể, công khai bỏ việc, phối hợp với các phong trào yêu nước, đốt phá cơ sở làm việc, mít - tinh, đình công, bãi công... đã làm sôi nổi phong trào trong một giai đoạn lịch sử. Từ tự phát lẻ tẻ, giai cấp công nhân đã biết đoàn kết lại, tự giác đấu tranh cho quyền lợi giai cấp và quyền lợi dân tộc. Phong trào cách mạng của tỉnh Biên Hòa có sự thay đổi về chất và ngày càng phát triển mạnh mẽ kể từ khi Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời. Quần chúng ngày càng nhận thức rõ hơn là không thể cam chịu cuộc đời nô lệ của người dân mất nước mà phải vùng dậy đấu tranh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục, mạnh mẽ, rộng khắp và giành được những thắng lợi to lớn, khơi dậy được tinh thần cách mạng, lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân, mở rộng tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, đường lối cách mạng của Đảng, xây dựng được một đội quân chính trị lớn mạnh trong công nhân, nông dân, trí thức - học sinh. Qua thực tiễn hoạt động, trình độ chính trị và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Đội ngũ cán bộ Đảng trung kiên, giàu nghị lực, trong sáng về phẩm chất cách mạng, tạo được niềm tin trong lòng quần chúng.

## ***Tinh thần Cách mạng tháng tám***

Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng đứng dậy đập tan bộ máy thống trị của giặc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Phần khởi tự hào trước thắng lợi đã giành được, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã đoàn kết khắc phục những khó khăn trở ngại tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Với nhân dân Biên Hòa, không khí độc lập, tự do cuốn hút mọi người dân từ nông thôn, thị xã, đồn điền vào việc xây dựng cuộc sống mới. Đêm 22 rạng 23 tháng 9, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Tin thực dân Pháp xâm lược ở Sài Gòn làm nhân dân Biên Hòa sục sôi ý chí chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”.

Trước khi thực dân Pháp nổ súng ở Biên Hòa, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chuẩn bị các phương án kháng chiến. Phong trào “tuần lễ vàng” được phát động rộng rãi trong nhân dân để mua sắm vũ khí. Nhân dân Biên Hòa không tiếc tiền của, xương máu, vàng, bạc, tư trang, vật dụng đem đến ủy ban xã ủng hộ. Các cơ sở công nghiệp như nhà máy BIF, các đồn điền cao su công nhân tháo gỡ máy móc chuyên ra rừng để sản xuất vũ khí. Khắp làng xóm vang bài ca “Lên đàng”, hòa với bước chân tập luyện của lực lượng tự vệ. Phong trào xóa mù chữ được toàn dân tham gia.



## ***Nhân dân Biên Hòa tham gia phong trào toàn dân kháng chiến***

Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa ngày 25 – 10 – 1945, nhưng không thể mở rộng lấn chiếm ra khỏi khu vực xã Bình Trước (quận Châu Thành Biên Hòa) do các hoạt động vũ trang rất tích cực của đội Xung phong cảm tử.

Từ các bàn đạp căn cứ du kích như Bình Đa, Hồ Can (Tân Phong)..., Vệ Quốc đoàn Châu Thành chặn đánh địch ác liệt ở cầu Rạch Gốc (Bình Hòa), Tân Phong; bộ đội quận Long Thành chặn đánh địch ở dốc 47... Trên quốc lộ 1 và 20, 15, tự vệ chiến đấu của công nhân cao su các đồn điền Trảng Bom, Dầu Giây, Suối Tre, Cốc Rang, Bình Lộc, Túc Trưng, Cây Gáo, Bình Sơn, An Viễn... làm chướng ngại vật trên đường và liên tục chặn đánh địch. Tại núi Thi, núi Tung (An Lộc), tự vệ chiến đấu, công nhân cùng bộ đội Nam tiến (Nam Long) chặn đánh và làm bị thương trên 100 lính Anh, Pháp, Nhật.

Thực hiện lời kêu gọi kháng chiến của Tổng công đoàn cao su Nam Bộ, công nhân cao su ở Biên Hòa đã thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”. Hàng trăm công nhân thanh niên thoát ly gia nhập bộ đội Biên Hòa, du kích xã, quận, từng đồn điền, từng phân sở cao su, đều xây dựng được các tổ tiếp tế lương thực, nắm tình hình địch để thông báo tin cho lực lượng kháng chiến bên ngoài.

Tại Nhà thương điên Biên Hòa (Bệnh viện tâm thần Biên Hòa), cán bộ Việt Minh quận Châu Thành tổ chức nhiều cơ sở bên trong, nhiều lần chuyển bông băng, thuốc kháng sinh... ra căn cứ; đồng thời bảo vệ, che giấu nhiều cán bộ Việt Minh ngay trong bệnh viện. Chùa Long Thiền những ngày đầu kháng chiến là trụ sở của Hội Phật giáo kháng chiến do Thượng tọa Thích Huệ Thành làm Chủ tịch. Hội vận động thanh niên nam nữ Phật tử thoát ly kháng chiến, vận động đồng bào Phật tử làm cơ sở tiếp tế nuôi quân, liên lạc và trinh sát cho kháng chiến.

Xứ đạo Công giáo Mỹ Hội do linh mục Nguyễn Đắc Cầu là người có tinh thần dân tộc trọng coi. Ngày 25 - 8 – 1945, ông vận động đông đảo nam nữ thanh niên công giáo nổi dậy tham gia cướp chính quyền ở thị trấn Long Thành. Linh mục Nguyễn Đắc Cầu vận động tín hữu thoát ly kháng chiến, ủng hộ tích cực cho các lực lượng vũ trang, lực lượng dân chính của huyện, xã đứng chân ở Phước An.

Trong năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, phong trào nhân dân từ công nhân, nông dân, dân tộc, trí thức, tôn giáo trong tỉnh Biên Hòa thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, góp phần tạo nên sức mạnh tất thắng cho cuộc kháng chiến trường kỳ bảo vệ thành quả cuộc Cách mạng tháng Tám

## ***Căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ***

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất" là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ. Kẻ thù khiếp sợ Chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng" của căn cứ.



Tháng 12-1945, Chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm Tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2-1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là Chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh Khu 7 dời về Đông Thành, Chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi Chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp Tỉnh lộ 16  
Chiến khu Đ là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; Chi đội 10, Trung đoàn 310, liên trung đoàn 301-310 cùng các cơ quan Binh công xưởng, Quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, và Sông Bé, Giáp Lạc..  
Chiến khu Đ là nơi sản sinh ra cách đánh đặc công, lực lượng đặc công và phổ biến kỹ thuật tác chiến mới ra cả nước, cơ sở để hình thành binh chủng Đặc công sau này.

## ***Biên Hòa, quê hương lối đánh đặc công***

Đêm 22 – 3 rạng sáng 23 – 3 – 1950, trận đánh đồng loạt đầu tiên vào tháp canh dọc các trục lộ diễn ra, 300 chiến sĩ chia làm 50 tổ tấn công cùng lúc 50 tháp canh của địch. Năm mươi tháp canh của giặc Pháp đều bị đánh thủng. Trên 70 tên lính trong tháp canh bị chết,

ta thu nhiều súng các loại. Sau trận đánh được Bộ tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện khen ngợi vì sáng tạo cách đánh mới. Cách đánh tháp canh mới này được gọi là “công đồn đặc biệt” gọi tắt là “đặc công”. Chiến sĩ đánh tháp canh được gọi là chiến sĩ đặc công.

Từ kinh nghiệm đánh tháp canh ở Biên Hòa, kỹ thuật đặc công đã phát triển rộng trong toàn khu miền Đông, góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến thuật De Latour (Đờ La tua) của thực dân Pháp.

Cách đánh đặc công là cách đánh mới, một kỹ thuật tác chiến độc đáo sáng tạo của quân dân Biên Hòa. Từ Biên Hòa, cách đánh đặc công được nhân rộng ra cả nước, là tiền đề để đặc công tiếp tục phát triển, hoàn thiện và trở thành binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của quân đội nhân dân Việt Nam.

### ***Vượt qua khó khăn, thiên tai, tiếp tục đánh giặc***

Tháng 10 năm 1952, một trận bão lụt đổ ập vào miền Đông gây thiệt hại lớn, nhất là tỉnh Thủ Biên. Nước sông Đồng Nai, sông Bé dâng tràn hai bờ, tạo thành bể nước mênh mông. Toàn bộ nhà cửa nhân dân, các cơ quan, đơn vị trong chiến khu Đ, Vĩnh Cửu đều bị ngập, trôi, cây rừng ngã đổ, đê sập thiệt hại hoàn toàn. Phía hạ lưu sông Đồng Nai, nước tràn hai bờ, ngập cả chợ Biên Hòa. Trong chiến khu Đ, toàn bộ các kho quân nhu, quân giới, kho gạo, lương thực đều bị ngập nước, hư hại. Hàng ngàn héc-ta hoa màu của các đơn vị, cơ quan và của nhân dân ở các huyện đều bị nước tàn phá.

Thực dân Pháp lợi dụng khó khăn do bão lụt gây ra không ngớt đẩy mạnh chiến tranh tâm lý nhằm gom dân ra vùng tạm chiếm. Tỉnh phải dùng “biện pháp tình thế”, đồng ý cho gần 300 nhân dân tạm về vùng tạm chiếm, đi các huyện khác tìm kế sinh nhai, cử một cán bộ theo nhân dân để nắm tình hình, hướng dẫn quần chúng. Cán bộ, chiến sĩ, các cơ quan và lực lượng vũ trang ở chiến khu tuy khó khăn, nhưng tinh thần vẫn vững vàng. Đại đội Lam Sơn của Vĩnh Cửu phối hợp cùng huyện đội Đồng Nai tiến công phá sạch bót Rạch Đông và toàn bộ hệ thống tháp canh của địch từ Rạch Đông (Tân Định) đến Cây Đào (Bình Thạnh). Nước vừa rút, cán bộ, chiến sĩ căn cứ tổ chức từng đoàn, gặt lúa còn sót lại, đồng thời trồng mì lấy lương thực chống đói. Bộ đội địa phương, dân quân du kích, các cơ quan dân quân chính Đảng tỉnh vừa sản xuất vừa chiến đấu. Trong năm 1952, lực lượng kháng chiến Thủ Biên vừa đối phó với thiên tai bão lụt, vừa nỗ lực không ngừng chống địch càn quét và lấn chiếm, giữ được vùng căn cứ, bước đầu gây dựng lại được phong trào và cơ sở vùng tạm chiếm, giành một số thắng lợi có ý nghĩa quan trọng; khôi phục lại phong trào sản xuất tự túc, tạo ra dự trữ cần thiết để có thể và lực phối hợp với toàn miền trong chiến dịch Đông Xuân 1953 – 1954.

### ***Quân dân Biên Hòa tiếp tục đấu tranh chống kẻ thù: Đế quốc Mỹ và tay sai***

điển hình là cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (12/1956) đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí nhiều nhất.



Sau những chiến dịch khủng bố ác liệt của Mỹ - nguy, lực lượng cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng. Phong trào bị chìm trong máu và nước mắt. Trước tình hình đó, số cán bộ, đảng viên còn lại và quần chúng cách mạng muốn cầm ngay vũ khí đánh trả quân thù.

Trong tình thế hiểm nghèo tưởng chừng không thể vượt qua được ấy, số cán bộ đảng viên và cơ sở còn lại vẫn kiên cường, giữ vững ý chí cách mạng, vượt qua nhiều cam go, thử thách để gầy dựng lại cơ sở, khôi phục phong trào đấu tranh.

## **Đấu tranh phá áp chiến lược**

Tháng 11 năm 1961, kế hoạch Stalây Tây lơ (Staley – Taylor), được Tổng thống và Hội đồng an ninh Mỹ chính thức thông qua. Địch sử dụng nhiều biện pháp, nhiều âm mưu thâm độc trên các mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa mà trong đó “xương sống” của chương trình “bình định” là gom dân lập ấp chiến lược. Áp chiến lược thực chất là khoanh dân, gom dân vào “khu bình định”, “khu trừ mật”, “khu định cư”, tạo vành đai trắng để kiểm kẹp, tách dân với cách mạng

phong trào chống địch gom dân lập ấp chiến lược rất mạnh mẽ: Nhân dân các ấp đấu tranh liên tục, đưa yêu sách đòi tự do đi lại làm ăn, viện lý do bà con trong xã đều làm nghề chài lưới theo con nước không thể tập trung về khu trừ mật. Chúng đưa lính đồn Gò Cát, Vũng Gấm... đến từng nhà, quăng đồ đạc lên xe trước rồi thúc người lên sau. Nhân dân chống xúc tạt dân di tản ra quyết liệt. Nay địch bắt lên, mai nhiều gia đình lại chở đồ đạc về đất cũ. Có gia đình bỏ luôn đồ đạc về người không. Các sở cao su đều xây dựng các đội du kích thoát ly và du kích mật. Vùng cao su Bình Sơn, đồng bào, công nhân cao su đấu tranh quyết liệt phá ấp chiến lược đòi được đi sớm về tối

Cuộc đấu tranh chống địch gom dân, lập ấp chiến lược của quân và dân Biên Hòa, Long Khánh diễn ra giằng co quyết liệt trong suốt những tháng cuối năm 1962. Ta phát động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, phá đi phá lại nhiều lần gây cho địch nhiều khó khăn trong kế hoạch bình định nông thôn của Mỹ - Diệm

## **Chiến thuật quân sự lý tưởng: dùng phương tiện tối thiểu để thu về kết quả tối đa, Sử dụng đòn tiến công chiến lược bất ngờ tấn công địch**

trận đánh vào sân bay Biên hòa (1964) là trận đánh táo bạo, bất ngờ. Lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy. Chỉ trong vòng 15 phút tấn công vào sân bay, gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philipin chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng. Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước.

Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, của quân dân Biên Hòa, Long Khánh, Phân khu 4 góp phần đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, làm thất bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy ở miền Nam Việt Nam. Lần đầu tiên ta tấn công vào tận hang ổ kẻ thù. Cuộc tiến công và nổi dậy tuy không đạt được mục tiêu “giành thắng lợi quyết định”, giành quyền làm chủ hoàn toàn của dân, nhưng đã thể hiện được tinh thần, quyết tâm của quân dân ta.

## ***Truyền thống Chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân đánh giặc***

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ Đồng Nai luôn đánh giá đúng những đặc điểm, tính chất, vị trí quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế của chiến trường, từ đó đề ra những nhiệm vụ chính trị sát hợp với yêu cầu; phát động và tạo được thế trận chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân đánh bại kẻ thù xâm lược.

Trong quá trình chiến đấu, chiến trường Đồng Nai nhiều lần tách nhập, thay đổi theo yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng, nhưng nhìn chung đó là một chiến trường rất ác liệt, nơi đối đầu trực tiếp, quyết liệt giữa bạo lực cách mạng và bạo lực phản cách mạng của Mỹ ngụy và tay sai. Nhận thức và đánh giá đúng tính chất, vị trí chiến lược của chiến trường, Đảng bộ Đồng Nai trên cơ sở quán triệt đường lối cách mạng của Trung ương, Trung ương Cục, đã vận dụng, tổ chức thực hiện thắng lợi của cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện phát huy tinh thần tự lực tự cường để giành thắng lợi. Từ nhận thức đó, Đảng bộ Đồng Nai đã đề ra những chủ trương chỉ đạo xác hợp chiến trường như thực hiện phương châm bám trụ, phát huy tinh thần tự lực tự cường; kết hợp hai lực lượng bên trong, bên ngoài; kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng cấp trên; kết hợp 3 mũi đầu tranh vũ trang, chính trị, binh vận; tổ chức đặc công, căn cứ, biệt động...đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược giành thắng lợi.

Quán triệt tư tưởng “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, Đảng bộ Đồng Nai luôn xác định quần chúng nhân dân là chỗ dựa đáng tin cậy, đặc biệt là đồng bào dân tộc, giai cấp nông dân lao động và đội ngũ công dân trong đó có công nhân cao su là đội quân chủ lực; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân lấy liên minh công - nông làm nòng cốt để làm nên thắng lợi.

Đánh giá đúng bản chất quần chúng lao động, Đảng bộ Đồng Nai từng thời kỳ đều xây dựng cơ sở quần chúng không chỉ ở vùng giải phóng căn cứ, mà cả vùng đô thị bị địch tạm chiếm, với cả đồng bào dân tộc ít người và đồng bào có đạo Công giáo. Cơ sở cách mạng của quần chúng luôn gần địch, nắm chắc địch, nên chính là tai, mắt của cách mạng, cung cấp rất kịp thời những thông tin về địch. Khi tác chiến và hoạt động vùng sâu, vùng tạm chiếm, nhân dân chính là người che giấu, tiếp tế, giúp đỡ cho cán bộ, chiến sĩ, du kích

và cùng với lực lượng đánh địch. Điều đó lý giải vì sao các lực lượng vũ trang cách mạng đã có thể xây dựng được vành đai diệt Mỹ ở thị xã Biên Hòa và các căn cứ quân sự lớn của địch, có thể tổ chức những trận tiến công ngay các cơ quan đầu não của địch như trận đánh Nhà Xanh (7-7-1959), cuộc tiến công nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, xuân Kỷ Dậu 1969... và cuối cùng kết hợp với chủ lực phát động quần chúng bên trong nổi dậy tấn công giải phóng hoàn toàn địa phương trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nơi nào ta nắm được quần chúng, xây dựng được cơ sở chính trị thì dù đó là vùng địch tạm chiếm, lực lượng cách mạng vẫn được quần chúng chở che và tạo mọi điều kiện để chiến đấu. Để có thể xây dựng được cơ sở trong dân, Đảng bộ Đồng Nai đã kiên trì phương châm bám trụ địa bàn, bám dân, lãnh đạo quần chúng đấu tranh bảo vệ và đạt được những quyền lợi thiết thân. Không ít cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh anh dũng trong công tác vận động quần chúng. Nhiều đồng chí rơi vào tay giặc vẫn giữ vững khí tiết cộng sản, gây được niềm tin trong quần chúng. Đảng tin dân và dân tin Đảng là bài học sâu sắc không chỉ trong chiến tranh mà còn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Trong đấu tranh chính trị, binh vận, Đảng bộ Đồng Nai chỉ đạo chặt chẽ bằng nhiều phương án, nhiều lực lượng (chủ công, dự bị), nhiều hướng (trọng điểm, thứ yếu), nhiều tình huống có thể xảy ra để xử lý kịp thời; đấu tranh không chỉ với ngụy, mà cả với quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu Thái Lan. Trong đấu tranh chính trị, mũi binh vận có tác dụng hạn chế sự hung hãn của kẻ thù, hạn chế những thiệt hại của lực lượng, kết hợp tiến công vũ trang làm kẻ thù nhanh chóng tan rã về tinh thần, tư tưởng lẫn tổ chức. Trong tổ chức đấu tranh chính trị, Đảng bộ Đồng Nai còn khéo sử dụng các hình thức đấu tranh công khai, bán công khai, hợp pháp với lực lượng chủ yếu là phụ nữ rất có hiệu quả với lí lẽ đanh thép lại thuyết phục, vừa đấu tranh chính trị vừa binh vận, tranh thủ cả binh lính địch.

Cuộc trường chinh bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám, bảo vệ chủ quyền độc lập, tự do suốt 30 năm với những kẻ thù hung bạo nhất hành tinh đã đưa dân tộc đến tột đỉnh vinh quang. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai gan góc can trường xứng đáng với cả nước, trải máu xương trên từng tấc đất. Từ La Ngà, Đồng Xoài, Trảng Táo, Trảng Bom... thưở chín năm, đến Nhà Xanh, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Long Khánh, đến chiến dịch Hồ Chí Minh chói lòa chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

*Ít có đất nước nào mà lịch sử dân tộc lại gắn liền với lịch sử anh dũng chống ngoại xâm như đất nước Việt Nam. Ở đây, mỗi tên đất, tên làng đều trở thành những địa danh gắn liền với nhiều chiến công chói lọi. Trong 320 năm hình thành và phát triển Biên Hòa – Đồng Nai, quân dân Biên Hòa đã trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ oai hùng, đã viết nên bao trang sử hào hùng và chưa chịu khuất phục bất cứ kẻ thù nào, dù đó là giặc ngoại xâm hay thiên nhiên nghiệt ngã... Đó là truyền thống quý báu của dân Biên Hòa.*

*Hướng tới kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển, hành trang của người Biên Hòa Đồng Nai không thể thiếu hào khí truyền thống bất khuất, can trường. Từ nhận thức sâu sắc về truyền thống tốt đẹp của dân Biên hòa, mỗi chúng ta phải tạo nên trong mình ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống đó trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Biên Hòa.*

*Năm 1861, Gia Định rời Biên Hòa thất thủ, thực dân Pháp chiếm hết Nam kỳ, đặt ách thống trị lên toàn cõi, tính đến năm 1945 là 80 năm có lẽ với tất cả thủ đoạn thâm độc và tàn ác của đội quân viễn chinh xâm lược. Phong trào yêu nước, kháng chiến vẫn khi âm ỉ, khi bùng cháy không lúc nào yên. Cho đến khi trận cuồng phong tháng Tám năm 1945 nổi lên cuốn phăng bộ máy cai trị của quân xâm lược, Đồng Nai Biên Hòa cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.*

## PHẦN II

HÃY CHO BIẾT VÀ NÊU CẢM NHẬN VỀ NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI; TỪ ĐÓ GIỚI THIỆU MỘT HOẠT ĐỘNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI MÀ ANH (CHỊ) TỪNG BIẾT HOẶC THAM GIA? ĐỂ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY ANH (CHỊ) SẼ LÀM GÌ?





01.

TẬP  
QUÁN VÀ  
NGHI LỄ  
CHU KỲ  
ĐÒI  
NGƯỜI



02.

TẬP  
QUÁN  
THỜ  
CÚNG  
TRONG  
NHÀ



03.

NHỮNG  
LỄ  
THỨC  
GIA ĐÌNH  
TRONG  
NĂM



04.

NHỮNG  
TẬP  
QUÁN,  
TÍN  
NGƯỠNG  
GẮN VỚI  
CỘNG  
ĐỒNG  
XÃ HỘI



## 1. TẬP QUÁN VÀ NGHI LỄ CHU KỲ ĐỜI NGƯỜI

Nghi lễ vòng đời của con người từ khi sinh đến lúc tử, cụ thể là từ lúc đậu thai cho đến chết và các lễ giỗ về sau, nó được diễn biến liên tục trong dân gian không có hồi kết thúc. Ngay lúc mang thai, người phụ nữ có mang phải kiêng giữ và được bảo vệ kỹ lưỡng. Việc kiêng giữ tập trung ở các mặt: ăn uống, cử động và giao tiếp. Việc "dưỡng thai" được xem trọng, việc sinh nở còn quan trọng hơn. Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng "con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng". Khi sản phụ lâm bồn, chỉ bà mẹ và người trợ giúp (thường là mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Ngày đầy tháng được xem là ngày đầy cũ, tính sụ ngày sinh "gái sụ hai, trai sụ một". Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp hoặc thơ mừng. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này.



*Hình ảnh mâm cúng đầy tháng của một gia đình ở Biên Hòa*

Ngày đưa bé tròn năm, có lễ thôi nôi. Lễ thôi nôi đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khấn vái ông bà, cúng mẹ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng: Mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò thử nghề, nói theo người Hoa là thí nghệ; tức bày ra các vật dụng: Gương, lược, kim, chỉ, đũa, muỗng... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đứa bé chạm đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này. Bởi vậy, những món bày ra cho bé thường tránh: Dao, búa, gươm, giáo... để không vướng vào nghiệp binh đao.

Tiếp đến là các nghi thức lễ hôn nhân khi con người thành thân. Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai "bước tới". Một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng các lễ: Lễ hỏi, lễ biếu (xâu), lễ xuất giá (cô gái khăn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), lễ rước dâu, lễ lại mặt. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi thêm lễ thăm nhà, còn gọi là lễ chạm ngõ trước lễ hỏi. Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cậy mai dong đến nhà gái để đặt vấn đề xin cưới. Mai dong là người cao tuổi (ông mai, cũng có thể là bà mai) có uy tín, có duyên ăn nói trong họ, trong làng. Lễ vật ăn hỏi dạng đơn giản nhất gồm: Một đôi đèn, một cặp trà, một cặp rượu, hai quả bánh, một đôi bông tai...



Một đám cưới xưa ở Biên Hòa



Mỗi giai đoạn của một đời người như thế đều có những nghi thức lễ khất khe gần như là bắt buộc và đến khi chết thì làm lễ đám tang. Vì quan niệm "chết" là điều ắt phải và cái chết luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận "chết" một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ "yên nghỉ" chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tỉnh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sạ. Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải "hú vía", đến khi không còn hy vọng, mới tắm rửa cho xác chết gọi là "mộc dục". Sau đó, người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hạt gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là phạn hàm, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Giờ tắm liệm, hội đủ mặt những người thân không kỵ tuổi. Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy cúng đọc kinh và phát khăn tang. Sau lễ thành phục là lễ phúng điếu của họ hàng, xóm làng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu lễ động quan. Lễ mở cửa mả được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng.



Hình ảnh tang lễ của Đại tá Anh hùng LLVTND Trần Công An

Trong vòng đời người, còn có những tập quán khác: lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung, có thể được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo chứa đựng đầy đủ ý nghĩa của từng nghi lễ.

# Thọ

Tôi thêm tuổi mới, người thêm thọ  
Quần khắp lương gian, phúc khắp nhà

## 2. TẬP QUÁN THỜ CÚNG TRONG NHÀ

### 1. Thờ cúng ông bà

Đối với người Biên Hòa – Đồng Nai quan điểm "*sống có nhà, thác có mồ*". Ngôi nhà không chỉ là nơi trú nắng mưa, còn là trú sở của tổ tiên và thần linh. Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông, bà. Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung. Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là bàn gỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm: Cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất.

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: Cúng hàng ngày và cúng giỗ. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đồng Nai cũng có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau. Cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà. Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày cúng tiểu tường, 12 tháng cúng giáp năm, 24 tháng cúng đại tường, 27 tháng cúng xả tang; năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường (thường là cúng chay), ngày giỗ chính cúng mặn. Ngày giỗ được tính theo âm lịch. Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: Kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng. Cách dọn mâm, khăn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở,

phóng khoáng của Nam bộ. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó. Ấy là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây".



## 2. Thờ thần độ mạng

Trong gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ thần độ mạng để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công (Quan Thánh Đế quân). Vía Quan công ngày 4 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, kiêng cúng thịt gà và hoa mồng (mào) gà; cũng kiêng ăn thịt trâu, thịt chó.

Thần độ mạng cho đàn bà phổ biến là các mẫu còn gọi là mẹ sanh, mẹ độ (thờ mẫu). Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa. Trang thờ Bà được bày trí giản đơn gồm 1 bức tranh tượng (hoặc giấy hồng đơn đề tên Bà), bình bông, nhang, đèn, nước trong. Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà cũng được mời phối hưởng trong các lễ cúng giỗ, nhưng không bày đồ mặn. Bà độ mạng được gọi nôm na là mẹ sanh mẹ độ; đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Nam bộ; tùy theo hăng tâm của người phụ nữ mà chọn nữ thần độ mạng cho mình. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát... Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía.

### 3. Thờ cúng các bản gia

*Thần bản gia* được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng.

*Ông Địa - Thổ Công*: Một dạng thần Đất (tức Thổ Công), thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm nhang, đèn, nước, và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Cư dân Việt ở Đồng Nai giữ lệ cúng ông Địa vào ngày mùng mười của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch.

*Thần Tài*: Thường được thờ chung một khám thờ với ông Địa hình thành một bộ ông Địa - Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi.



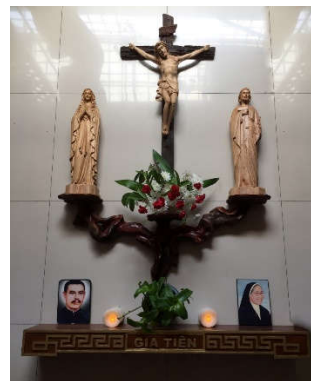
*Táo quân*: Là vị thần bảo trợ việc bếp núc, có danh hiệu là Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, Định phúc Táo quân, còn được gọi là Ông Đầu Rau hoặc Vua Bếp. Có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; ba người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ (hoặc khám) trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời trong ngày 23 tháng chạp. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa *mứt thèo lèo*. Lời khấn tiễn Táo quân giản dị (trước kia còn có văn khấn) ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với "lửa củi" hàng ngày. Cư dân Việt ở Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông đầu rau giữa đực lỗ rồi gánh cả ba đem đổ ở góc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông đầu rau.

*Ngũ phương Ngũ thổ long thần*: Thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, nhiều khi còn có cốt tượng ông Địa - Thần Tài.

*Bàn trời*: Là hình thức thờ cúng phổ biến, được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng: tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ; đó là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương.

#### 4. Thờ khác

Ngoài ra, một số gia đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ những đôi tượng khác. Thờ Tổ nghiệp còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư... những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng... còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng. Những gia đình sùng đạo có trang thờ các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo hợp với lòng tin của gia đình. Gia đình Thiên Chúa giáo đương nhiên có tượng thờ Chúa Jêsu và Mẹ Maria trong nhà, ngoài ra còn có tượng ảnh thờ Thánh bôn mạng của gia chủ. Các gia đình theo đạo Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến là Quan âm Bồ tát



*Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng: mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ, được truyền thừa sức mạnh, và ân đức của lớp người trước đem lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy, con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà.*



### 3. NHỮNG LỄ THỨC GIA ĐÌNH TRONG NĂM

#### 1. Tết

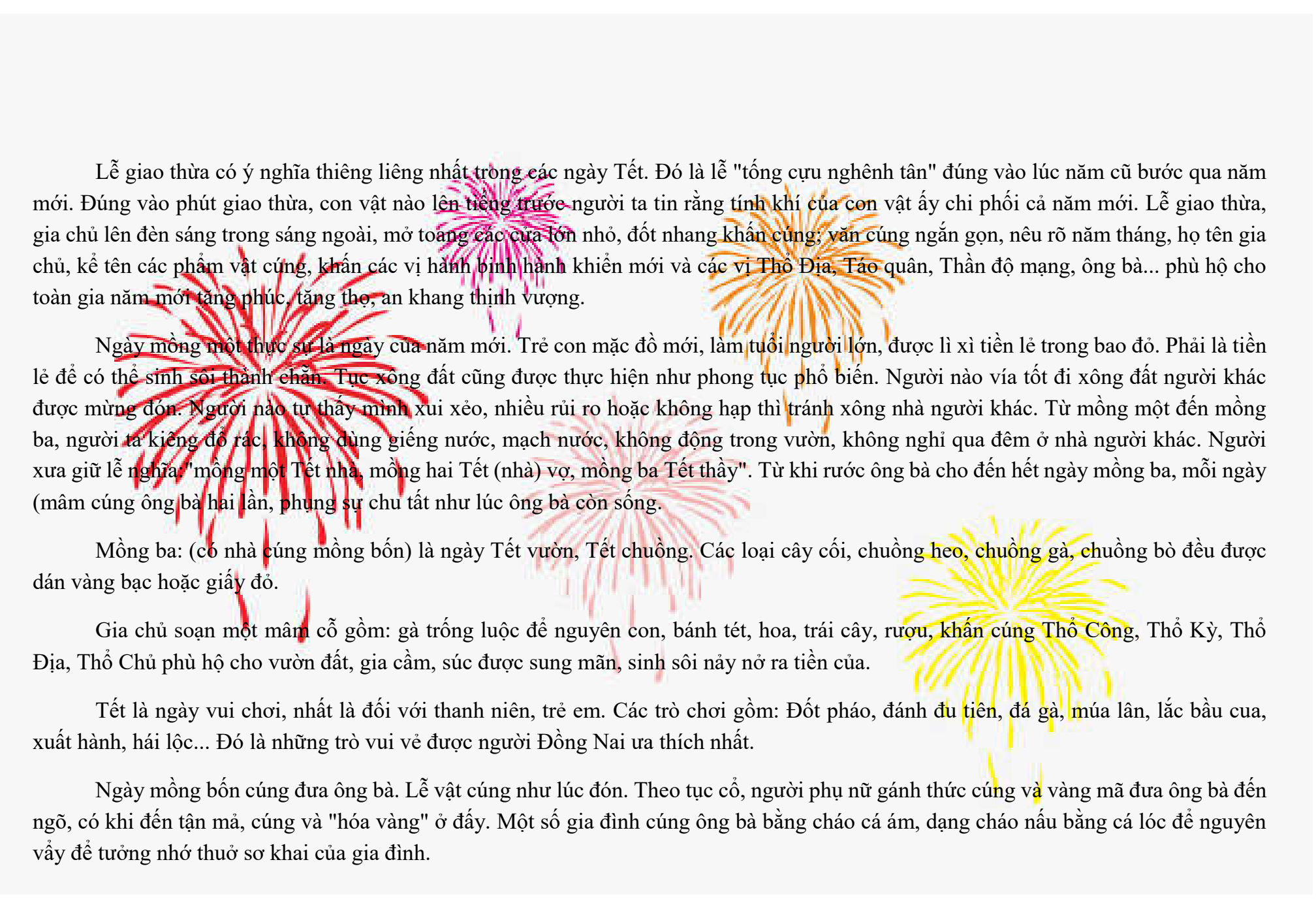
Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

##### 1.1 Tết Nguyên Đán

Đây là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày đưa ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên: Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định của gia đình, người trong họ, trong nhà hội vè; đàn ông lo việc làm cỗ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đâu đó. Ấy cũng là ngày quan chức trong làng khép ấn, thợ thầy được nghỉ việc.

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chung cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dừa (vừa), đu đủ (đủ), xoài (sài, tiêu xài), măng cầu (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hấu được chọn chung phải là dưa ruột đỏ thắm. Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tỗ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ.

Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ. Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là "lên nêu". Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ



Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ "tống cựu nghênh tân" đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; văn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng, họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà... phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng.

Ngày mùng một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, làm tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Phải là tiền lẻ để có thể sinh sôi thành chẵn. Tục xông đất cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mùng một đến mùng ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa: "mùng một Tết nhà, mùng hai Tết (nhà) vợ, mùng ba Tết thầy". Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mùng ba, mỗi ngày (mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chu tất như lúc ông bà còn sống).

Mùng ba: (có nhà cúng mùng bốn) là ngày Tết vườn, Tết chuồng. Các loại cây cối, chuồng heo, chuồng gà, chuồng bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ.

Gia chủ soạn một mâm cỗ gồm: gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khấn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn đất, gia cầm, súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của.

Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm: Đốt pháo, đánh đu tiên, đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui vẻ được người Đồng Nai ưa thích nhất.

Ngày mùng bốn cúng đưa ông bà. Lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục cổ, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận mã, cúng và "hóa vàng" ở đấy. Một số gia đình cúng ông bà bằng cháo cá ám, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở sơ khai của gia đình.

Mùng bảy có lễ hạ nêu. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình, người làm nghề nông thì "động cuốc cày", thợ rừng thì khai sơn, học trò thì khai bút, thương nhân thì đi buôn lấy ngày.

# Đoan Ngọ Ở TỈNH ĐỒNG NAI

## Cây Cối Vặt Và Hoa Trái Mùa Giữa Năm

### 1.2 Tết giữa năm

Ngày mùng 5 tháng 5 cũng được xem là một ngày Tết, người Đồng Nai gọi là Tết giữa năm, nhiều người gọi là Tết Đoan Ngọ. Ở Đồng Nai, ý nghĩa của ngày Tết giữa năm được xác định rõ, đây là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây nhiều bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Bởi vậy, sinh hoạt trong Tết Đoan Ngọ xoay quanh hai ý nghĩa quan trọng: Đón mùa vụ và phòng chống bệnh. Ngày Tết giữa năm, ở Đồng Nai hoa trái sớm đã có, đang độ tươi ngon nhất trong năm. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa cúng ông bà gồm những: Bưởi, chuối, sầu riêng, dâu, măng cụt, mít tố nữ.. Ngày mùng 5 tháng 5, có thể cúng chay hoặc cúng mặn. Ngày này, người ta thường cúng vịt vì theo quan niệm dân gian, vịt gắn liền với sự sinh sản. Nhiều gia đình lại cúng món cháo cá ầm như ngày Tết. Ngày Tết giữa năm có nhiều tục lạ, cốt là để thúc giục cây trái đâm hoa kết quả và ngăn ngừa bệnh tật. Đáng chú ý là tục "khảo cây": những cây nào đến tuổi mà chưa ra trái ngày này gia chủ đem rựa ra đứ đừ đòi chặt, hoặc giả chặt một vài nhất để người vợ trong nhà chạy ra van xin, như thế năm sau cây sẽ ra quả.



### ***1.3 Tết Trung thu***

Theo tên gọi là ngày Tết giữa mùa thu lúc trăng sáng nhất trong tháng (rằm) và trong năm (ngày của sao Thái âm). Ở Đồng Nai, Tết Trung thu thực là ngày Tết của trẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa. Người lớn chuẩn bị cỗ bánh (bánh trung thu) và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rờn rấn đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có ông Địa dẫn đường, cũng nhảy múa diễn trò như lân của người lớn. Trong tâm thức dân gian, rằm tháng tám là tháng của cốm mới, của lúa mùa đong sữa, của sự non tơ chớm trưởng thành ở vạn vật ứng với lứa tuổi nhi đồng của xã hội loài người. Chăm sóc trẻ con là lễ thức mừng đón, cầu mong sự trưởng thành đang trong dạng mới kết tinh. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, có thể nhận ra ý nghĩa cốt lõi ấy qua các tục cúng cơm rượu, làm mạch nha, cúng lúa trổ đòng đòng....

*Hình ảnh trẻ em rước đèn trong Tết trung thu ở Biên hòa*

## 2. Những ngày rằm

Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.

Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình; "lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng". Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng giêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu... nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

Rằm tháng bảy là rằm "xá tội vong ân". Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục được xá tội, các gia đình ở dương thế làm cỗ bàn cúng ông bà, thể hiện sự tha thứ, xóa tội đối với mọi lỗi lầm ở cõi âm cũng như cõi dương.

Rằm tháng mười nhằm vào lúc mùa vụ "cơm mới", các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung, ở Đồng Nai nói riêng có ý nghĩa như Tết cơm mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy



Tác giả tham dự lễ Hạ Nguơn (rằm tháng mười) tại chùa Ông

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp. Với tục cầu siêu, cúng thí, các lễ cúng rằm của cư dân Việt Đông Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử "chăm lo cho người khác" mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy, nó được phổ biến và có sức sống lâu dài.

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đông Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Như ngày mùng 8 tháng 5 cúng sao hội; cúng vía trời đất; cúng vía Ngâu, vía Bà như rằm tháng giêng: Linh Sơn Thánh Mẫu; 19 tháng 2 và 19 tháng 6: Quan âm Bồ tát; 24 tháng 4: Bà Chúa Xứ; mùng 5 tháng 5: Bà Ngũ hành; mùng 9 tháng 9: Cửu Thiên Huyền Nữ và các loại cúng khác như cúng Tá thổ (cúng mượn đất)...

## **4. NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI**

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Cư dân Việt ở Đồng Nai do "tứ chiếng" hợp lại, gặp cảnh "xứ sở lạ lùng", "chim kêu vượn hú" càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong đời sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội; phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

### **1. Đình và lễ hội cúng đình**

#### **1.1. Đặc điểm và quá trình hình thành**

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai, đình thần ở Đồng Nai ra đời muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thành tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Có lẽ, ý niệm về "cái đình" của cổ hương chưa được hiện thực hóa ngay khi lập làng, lập ấp ở Đồng Nai, mà bắt đầu từ cái miếu, một trú sở của thần thánh nói chung phù hợp với qui mô của làng và tài lực của người thời khai phá. Bằng chứng rất rõ là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi "đình", thậm chí biểu đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là "cổ miếu" như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vinh Thị cổ miếu... Các bô lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình làng để xin sắc phong thì tên gọi "đình" mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình rõ nét.

Quá trình lập làng ở Đồng Nai với mô hình "thôn - ấp" là chủ yếu làng ban đầu rất nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chùng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó "thân phận" của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt. Thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán lưa thưa vài đình nhỏ. Hầu hết đình làng ở Đồng Nai đã qua nhiều lần trùng tu. Thuở sơ khai, do khố chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phượng của dân Nam bộ có giàu lắm cũng không được lợp ngói; bởi vậy, đình miếu thầy đều quy mô nhỏ, lợp lá, trường hợp lợp ngói âm dương rất hiếm. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô.

Đình, miếu, chợ, chùa là trung tâm văn hóa của người địa phương cho nên thường được xây dựng gần nhau ở khu đông dân cư, nơi cao ráo, có phong cảnh đẹp, có chòm cổ thụ vừa mát vừa oai linh. Phần lớn đình cổ gần sông và quay hướng ra sông, đình trẻ hơn lập ở gần lộ và quay hướng ra lộ; hướng đình không lệ thuộc theo hướng Nam và kiêng hướng Bắc.

Kiến trúc đình ở Đồng Nai thường theo kiểu nhà rường tứ trụ bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp đậm đà mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lâm ở Biên Hòa, đình An Hòa ở Long Thành đình Phú Mỹ ở Nhơn Trạch được xem là những đình sắc nét của Đồng Nai. Việc bố trí trong đình gồm có chánh điện có khám thờ Thành Hoàng bốn cảnh, hai bên là Tả ban, Hữu ban; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chư vị phối tự như: Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư... Trước mặt bàn thờ Thành Hoàng là bàn La Liệt để bày lễ vật cúng; tiếp đó là bàn Hội đồng. Tiếp theo bàn Hội đồng là bàn Chánh bái, hai bên bàn Chánh bái là Tả hữu bồi tế. Đối diện với chánh điện là Võ ca có mái che nổi hoặc không nổi với gian chính; nếu không Võ ca thì cũng là khoảng sân rộng để có thể dựng rạp hát. Bên trái, bên phải, mặt trước đình thường có bàn thờ thần Nông, thần Hồ, Rái Cá... Nhà hậu (sau đình) có gian thờ: Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên đại hương chức, Hậu đại hương chức... Liên mái với nhà hậu là nhà khói dùng làm nơi nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng. Bộ cụ trong đình cơ bản là giống nhau, nhưng tùy theo các đối tượng thờ cúng trong đình mà các bàn cúng thờ vị này hay vị kia.

Khi triều Nguyễn sắc phong Thành Hoàng để kéo đình làng vào hệ chính thống thì đình ở Đồng Nai trở thành cơ sở nằm giữa hai thiết chế: Chính thống và dân gian, nhưng nghiêng về phần tín ngưỡng dân gian hơn. Một mặt, về hình thức, đình ở Đồng Nai tuân thủ những chuẩn mực nghiêm ngặt theo điển lệ, mặt khác về mục đích tín ngưỡng nó mở rộng các sinh hoạt dân gian, thể hiện tính đa chức năng: Vừa là trú sở của Thành Hoàng và nhiều vị thần khác, vừa là công sở hành chánh của làng, đồng thời là nhà hát, tụ điểm văn hóa của địa phương. Sinh hoạt đình dung nạp cả hệ thống thần linh của ba miền; của Phật giáo, người Hoa, người bản địa; dung nạp cả các



Tác giả thăm quan đình Tân Lâm, Biên Hòa

hoạt động văn hóa thể thao từ múa lân, cờ người, võ thuật đến xây chầu, đại bội, hát bội, hát bóng rối; thậm chí cả ca nhạc tài tử. Nhiều đình ở Đồng Nai xưa gần như mở cửa quanh năm, có đình không cần đến cửa.



## 1.2. Những vị thần được phụng thờ

Đình ở Biên Hòa - Đồng Nai "thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần Linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp". Việc kê danh sách cho đầy đủ các vị thần đã được thờ trong đình ở Đồng Nai đã khó, việc phân loại càng khó. Cũng có thể phân loại bằng cách dựa theo hệ thống các vị được thờ hiển thị (có bàn thờ tại đình) và các vị chỉ được gọi mời trong văn cúng. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, bài trí thờ trong đình thường đơn giản hơn, có khánh, bàn, miếu thờ khoảng 10 đến 13 vị. Đáng lưu ý ở Đồng Nai là tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc.

Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền, Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương, thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), do giáo dân Thiên Chúa giáo lập và phụng thờ, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ hội 10/3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây, huyện Thống Nhất thờ 100 chiếc đĩa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.

Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình Phú Mỹ (xã Phú



Hội, huyện Nhơn Trạch) đã ngâm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành. Tác giả tham quan đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch.

### 1.3. Lễ hội cúng đình

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình, phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: Tạp tế và cúng kỳ yên.

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định. Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nhất định mà tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần, nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình thường gồm: Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiên hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu- đại bội, Đưa khách (Tống phong)... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính. Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về thành phần nhân sự tham gia tế tự. Nếu các lễ cúng nhỏ tạp tế có thể do ông từ thực hiện thì việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo. Lễ vật dâng cúng các bàn thần gồm: hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống.

Hình ảnh lễ kỳ yên tại 1 đình ở Biên Hòa

## 2. Miếu và lễ hội cúng bà

### 2.1 Đặc điểm miếu thờ

Ở Đồng Nai, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu. Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:

- Miếu độc lập ở làng xã: Gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ "thánh thần", những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

- Miếu ở đình, chùa: Là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị Thổ thần, Sơn thần (thần Hổ), Thánh mẫu, chiến sĩ trận vong.

- Miếu ở đất vườn: Gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ Bà và thần Đất; người địa phương còn gọi là Thổ Chủ.

- Miếu lẻ ven đường: Miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ Thổ thần hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là miếu cô hồn.

Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính:

- Thờ vong hồn linh ứng: Những người chết "bất đắc kỳ tử" đều được tin là linh ứng, thường được thờ. Trong đó, các anh hùng, liệt sĩ hữu danh hoặc vô danh, có công hoặc có nhân cách cao được người địa phương thờ trang trọng nhất (như miếu Bình Hòa lập từ năm 1837 thờ 7 vị công thần chết trận trong binh biến Lê Văn Khôi, miếu cô hồn ở Dốc Sỏi (Bình Hòa) thờ 9 nghĩa sĩ trại Lâm Trung chống Pháp bị hành quyết...).

- Thờ các phúc thần: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương... là những linh vật giáng hạ nhưng cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù lao Phố), đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân, miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ Hành; miếu thờ thần Hồ thì còn ít nhiều ở các đình, các làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà.

- Thánh mẫu: Đa phần miếu ở làng, ấp cũng như ở đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là thờ Bà. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần điện của các miếu, chứng tỏ tín ngưỡng thờ nữ thần "sâu rễ bền gốc" trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

## 2.2 Lễ hội cúng bà

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với cư dân Việt ở Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính "đạo thờ mẫu" rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và "lý lịch" khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:

Bà Âu Cơ: Bà mẹ "thủy tổ" của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10/3 âm lịch.

Bà Ngũ Hành: Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển, không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5/5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi) được thờ riêng một miếu.

Liễu Hạnh Công chúa: Nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

Bà Chúa thượng ngàn: Một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lấn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương: Là biến thể của Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn.

Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu: Cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở núi Sam (Châu Đốc, An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu cũng vậy, tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

Thiên Hậu Thánh mẫu: Có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (như miếu ở đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên Hậu ngày 23/3 âm lịch.





Tác giả thăm quan miếu Bà Thiên  
Hậu, Bửu Long

Cửu Thiên Huyền Nữ: Vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9/9 trùng với ngày Trùng Cửu của người Hoa.

Mẹ Thai sanh: Nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh- với quan niệm là "mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy".

Thủy Long Thần nữ: Gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5/5 âm lịch.

Quan âm Bồ tát: Vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

Các nữ thần bản địa: Vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. Thị Vải, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ, và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. Cô bóng Hiên chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khảng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), ngày vía Cô 15 tháng 2 âm lịch.

Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn; những ngày cúng thì: nước trong, bông tươi, nhang thơm, đèn sáng; lễ vật cúng có thêm bánh, trái, xôi, chè, thịt, thường là thịt vịt hoặc heo thu gọn thành thủ vĩ. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quới. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như: Tiên sư, Thành Hoàng, thần Hổ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan âm Bồ tát .... Vì là thờ nữ thần, cho nên án thờ dù nhỏ vẫn thường được trang hoàng sắc sỡ, có lộng che, rèm phủ.

Về tượng thờ các Bà, trước kia rất ít miếu có cốt tượng, thường thờ đơn giản bằng chữ Hán vẽ trên tường hay dán trong khám thờ như: Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Xứ nương nương; gần đây phát triển thờ cốt tượng bằng thạch cao, xi măng, gốm hoặc vẽ tranh lộng kiếng với lối sản xuất "hàng loạt" cho nên các Bà đều đồng dạng, trang phục lộng lẫy như nhau, chỉ khác ở tên gọi. Riêng Bà Ngũ Hành là dễ nhận ra nhất với bộ cốt tượng đủ 5 bà trong 5 sắc áo khác nhau: Xanh, đỏ, tím, vàng, lục với quan niệm cổ truyền rằng hành thổ màu vàng là trung tâm nên ngồi giữa.

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng Vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mầu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu.

Lễ vật cúng đơn giản, không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiếng kỵ như cúng đình; bình thường thì: heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay... nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức.. đều được, miễn là lòng thành.

Đêm trước ngày vía, có nơi đáo lệ hai ba năm hoặc năm năm một lần tiến hành lễ thay áo cho Bà như lễ mặc đực phổ biến. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đèn khấn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ "sạch mình" đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nước lá sả, hương nhu, bông buri), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp tượng Bà; khăn lau xong, vắt trả nước ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới. Áo cũ và khăn lau không được dùng vào việc khác, sau phải đốt.

Một số miếu lại có tục nghênh ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính; nghênh ông bằng kiệu có lỗ bộ. Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về. Thông thường ở các miếu nghi thức hành lễ giản dị; dân dã hơn. Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng; đôi khi còn có hát bội, múa lân.

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hồi ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy, cư dân Việt ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.

## CHƯƠNG II

### LỄ KỶ YÊN - TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG

*Tín ngưỡng dân gian chủ yếu của người Việt từ bao đời nay vẫn là tín ngưỡng thờ kính ông bà tổ tiên, thờ kính cha mẹ. Những biểu hiện của tín ngưỡng dân gian qua đặc điểm trước nhà người Việt thường có bàn thiên (thờ trời) và trong nhà có bàn thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ, những người đã khuất... Các ngôi đình, đền, miếu được xây dựng để thờ kính những vị thần Thành hoàng, bậc khai quốc hay anh hùng liệt sĩ có công xây dựng và bảo vệ quê hương xứ sở. Những ngôi đình tiêu biểu như: đền thờ Nguyễn Tri Phương, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lâm chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của người Đồng Nai hơn 320 năm qua. Hàng năm, tại những cơ sở tín ngưỡng này đều tổ chức những lễ thức cúng kỳ yên đặc trưng văn hóa của cư dân Nam bộ nói chung và người dân Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng.*

## I. LỄ KỶ YÊN Ở ĐÌNH LÀNG

Lễ kỷ yên (cầu an) là một trong những lễ hội chính ở các đình của Đồng Nai. Ngoài đối tượng thờ chính là thần thành hoàng bốn cảnh có tính chất minh định danh chung, một số Đình làng ở Đồng Nai tôn thờ những con người có công với làng xã được tôn lên hàng phúc thần như: đình Bình Kính thờ Lễ thần hầu Nguyễn Hữu cảnh, đình Tân Lâm thờ đức Ông Trần Thượng Xuyên, đình Mỹ Khánh thờ Danh tướng Nguyễn Tri Phương, đình Tam Hiệp thờ anh hùng kháng pháp Đoàn Văn Cự...

Lễ kỷ yên thường diễn ra vào hai mùa Xuân và thu hoặc gắn với những ngày liên quan đến đối tượng được thờ tự. Dân làng đóng góp công của để cúng tế vị thành hoàng bốn cảnh với mục đích cầu xin mưa thuận gió hòa (phong điều vũ thuận), mùa màng tốt tươi (phong đăng hòa cốc), quê hương đất nước bình yên (quốc thái dân an). Lễ hội Kỳ yên qua nhiều thế hệ đã trở thành tập quán tín ngưỡng, hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng người Việt ở Đồng Nai. Các nghi lễ trong Kỳ yên ở Đình thường thấy là Túc yết, Đàn ca, tế tiên hiền, hậu hiền, thỉnh sắc, thỉnh sanh, hồi sắc, tống ôn, ... được thực hiện theo quy tắc nghiêm ngặt thể hiện lòng cung kính đối với thần linh (thần thành hoàng) được thờ nơi đình và các thế hệ có công mở mang, khai phá, phát triển của làng xã (tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ)

Thông thường, đáo lệ 3 năm, thì đình làng tổ chức đại lễ Kỳ yên. Trong Đại lễ Kỳ yên, các nghi thức cúng tế được tổ chức chu đáo, đảm bảo theo tuần tự. Đặc biệt trong đại lễ kỳ yên, có sự phối hợp giữa các nghi thức cúng tế và hình thức diễn xướng do các đoàn hát bội được mời đảm trách. Quan trọng trong hình thức diễn xướng phục vụ lễ kỳ yên là lễ xây châu – đại bội và hát tuồng. Lễ này thường được tiến hành sau khi nghi thức Đàn ca hoàn tất. Đây được xem là phần Hội của đại lễ Kỳ yên.

Trong các kỳ đại lễ người dân tham gia khá đông đảo, Nhiều nghi thức lễ và hội diễn ra. Trong lễ kỳ yên, những quy tắc nghi thức lễ được tuân thủ nghiêm ngặt. Các nghi lễ trong kỳ yên ở đình thường thấy là Túc yết, Đàn ca, tế tiên hiền, hậu hiền, thỉnh sắc, thỉnh sanh, hồi sắc, tống ôn, ... Mỗi nghi thức được ban quý tế, các học trò lễ trong sự phân công tuân thủ thực hiện trang trọng.

Trong phần hội, thường tại các ngôi đình lớn tổ chức các sinh hoạt văn hóa rất phong phú: hát bội, múa lân, đua thuyền, đấu võ, xô giàn, ... được nhiều người hưởng ứng, tạo nên không khí rất náo nhiệt. Ở Bến Gỗ thường tổ chức đua thuyền trên sông. Người dân hào hứng đứng trên hai bờ sông cổ vũ sôi động. Một số đình có tổ chức hát bội cho dân làng xem ba đêm liền với những tuồng tích xưa ca ngợi những con người nghĩa hiệp, anh tài, giúp dân, giúp nước. Ở đình Mỹ Khánh, dân làng thức đợi nghi thức tống ôn (gió độc, dịch bệnh) vào canh ba dưới ánh trăng dịu dặt. Với chiếc thuyền trang trí lộng lẫy, lung linh hàng trăm ngọn nến, cờ hoa và lễ vật cúng được hạ thủy, đẩy ra giữa dòng chảy của sông cho trôi đi xa trong cảnh tượng vừa đẹp và linh thiêng.

Tham gia trong lễ hội, người dân như quên hết những âu lo, cực nhọc thường nhật, hội nhập vào không khí thiêng liêng của lễ, náo nhiệt của hội. Qua đó, họ thể hiện lòng biết ơn của mình với thần linh, tổ tiên và thể hiện tinh thần gắn bó cộng đồng, hướng đến những ước vọng tốt đẹp. Lễ kỳ yên của làng xã có tính chất lễ nghi nông nghiệp cổ xưa, nhưng vẫn hài hòa và thích ứng trong môi trường đô thị với sự phát triển của nhiều ngành nghề trong xã hội.

## II. BAN TẾ TỰ TRONG LỄ KỶ YÊN



Ban tế tự lễ Kỳ yên tại đình Tân Lâm

Ban tế tự trong lễ Kỳ yên được chọn với những quy định nghiêm ngặt và có sự phân công cụ thể cho mỗi thành viên tham gia. Những người được chọn thường phải đáp ứng là đứng tuổi (40 trở lên), có uy tín, đạo đức, sức khỏe và gia đình phải yên hòa, êm ấm. Thứ nhất, đảm bảo được nhân cách trong dân làng khi tham gia Ban tế tự, thứ hai xứng với thần linh khi tham gia các nghi thức cúng tế. Những người tham gia trong Ban tế tự là niềm vinh dự, thay mặt cho cả cộng đồng cư dân địa phương trong cúng tế thần Thành hoàng. Một số người lớn tuổi cho biết, trước đây những người tham gia ban tế tự còn phải khấn hứa trước thần làng, những ngày chuẩn bị vào lễ kỳ yên biết giữ mình, kiêng kỵ việc sinh hoạt vợ chồng. Thường ban tế tự được thành lập trước 1 tháng trong cuộc họp của ban quý tế chuẩn bị cho lễ kỳ yên. Ban tế tự gồm các vị được phân công như sau:

- Chánh niệm hương (1 người): thay mặt dân làng dâng hương và khấn nguyện lên thần Thành hoàng. Đây là chức trách vinh dự nhất.
- Chánh tế (1 người): đứng chủ tế trong các nghi thức. Thường chọn những người có sức khỏe, có thể quỳ trong các uổi lễ tại hương án trước bàn thờ thần – hội đồng ngoại.
- Bồi tế (2 người): có nơi còn gọi là phó tế và bồi tế, có nhiệm vụ đứng phục vụ hai bên trong các nghi lễ của chánh bái.
- Đông hiến và Tây hiến (2 người): quỳ trước bàn thờ tả ban và hữu ban
- Chấp sự viên (4-6 người): có nhiệm vụ đánh trống lệnh, đánh mõ ngang, đánh chiêng, đánh chuông lớn hoặc đánh trống lớn.



- Thị lập (4-6 người): thị lập chánh điện đứng hầu hai bên bàn thờ thần, thị lập tả đình và thị lập hữu đình đứng hai bên bàn thờ tả ban, hữu ban.

- Thầy lễ (1 người) còn gọi là hương lễ, người điều khiển chung cho lễ đúng nghi thức và đọc văn tế

- Học trò lễ (3-6 đôi) còn gọi là lễ sinh; các đôi lễ sinh đứng 1 chỗ hoặc di chuyển theo sự phân công trước. Thường có đôi lễ sinh đứng xướng hai bên hương án hội đồng, tư thế khoan tay trang nghiêm, hô to các tiết mục trong chương trình. Trước đây, còn có đôi lễ sinh hỗ trợ nhắc rõ lại các tiết mục mà đôi lễ sinh chính đã xướng lên. Các đôi lễ sinh di động chia làm 2 đôi: đôi dâng (bung đèn), đôi đài (bung đài, hương, rượu hoặc trà). Có nơi thêm các đôi lễ sinh ở bên bàn thờ tả ban và hữu ban.

- Đào thái (2-4 đôi nữ – thường chọn từ đoàn hát bội) có nhiệm vụ đi sau lễ sinh, quạt và hát chúc tụng khi tiến hành các nghi thức hiến tuần hương, dâng trà rượu.

- Ban nhạc lễ (11 người chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền) do đình thuê trong phục vụ lễ cúng. Các loại nhạc cụ: 2 trống nhạc, 1 trống con, 1 cặp phách, 2 đờn gáo, 2 đờn cò, 1 tum, 1 bạc, 1 trống cơm, 1 kèn thau, 1 kèn mộc, 1 đồng, 1 đồng lồ. Hiện nay ban nhạc lễ thường chỉ còn 5-6 người chơi, các nhạc cụ gồm: trống nhạc, trống cơm, kèn mộc, đờn cò, nã bạt, ...

- Lính hầu (4 người) bốn thanh niên hóa trang thành lính lệ xưa đứng hầu bên hương án hội đồng.

- Thủ từ (1 người) ngồi túc trực cạnh bàn thờ thần suốt thời gian lễ để gõ chuông cho khách lễ bái và trong lúc tế thì nhận lễ vật do lễ sinh dâng lên, sắp vào bàn thờ thần.

Các thành viên trong ban tế tự với chức trách, vai vế được giao phải thực hiện một cách kính cẩn, trang trọng. Trong đó có quy định về trang phục rõ ràng. Theo tục cổ, quy định như sau: Các vị chánh niệm hương, chánh tế, phó tế. Bồi tế, đông hiến, tây hiến phải mặc áo thụng xanh (áo địa, áo tế), đầu bịt khăn đen, và phải trai giới trước khi hành lễ. Các vị chấp sự, thị lập và hương lễ phải mặc áo dài đội khăn đen. Lễ sinh có trang phục của các tú tài xưa: áo thụng xanh, đầu đội mũ tú tài đen, lưng thắt dải lụa, chân đi hia, Đào thái

trang điểm dạng các tiên nữ, đầu đội mào phụng, cài trâm ngọc, mặc áo lá sen thêu kim tuyến. Ban nhạc lễ, thủ tù phải mặc áo dài, đầu bịt khăn. Lính hầu mặt sơn phấn, đầu đội nón gổ (hoặc nón lá nhỏ), quần áo đỏ cổ giữa, quần xanh, chân quần xà cạp đen, lưng mang gươm gổ, tay cầm giáo.

### III. LỄ VẬT TRONG LỄ KỶ YÊN

Lễ vật dâng cúng trên các bàn thờ thần gồm các thức mặn và hoa, trái, nhang, đèn. Các lễ vật mặn gồm: thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho ... Đặc biệt, khi tế thần có hai lễ vật không thể thiếu là xôi và thịt sống.



Hình ảnh mâm lễ vật trong lễ kỷ yên

Món xôi được nấu từ gạo nếp ngon, dẻo. Mâm xôi cúng bàn thờ thần bắt buộc nguyên chất, tức là không có thêm những chất liệu khác vào, thường được rước từ nhà của người chánh bái hoặc người có danh giá nhất trong làng. Có tục kiêng khi rước mâm xôi: gia đình

yên hòa, không để xảy ra sự lộn xộn; tránh đứng che bóng mặt trời rọi vào mâm xôi; khi rước xôi đến đình, không được bung gánh mà phải khiêng đội, để tỏ sự trân trọng không ô uế.

Thịt sống từ thịt heo. Con heo tể được chọn kỹ càng, để nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thờ, người địa phương gọi là heo chong. Làng nghèo thì cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là thủ vĩ). Có một số kiêng kị trong việc chọn heo cúng như: heo đen tuyền, có người giải thích đó là heo bản địa, thuần giống chưa lai tạp (thể hiện lòng thành trước sau như một qua lễ vật của người cúng, thể hiện quan điểm chung “tốt lễ dễ cầu”, “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”). Ngày nay do loại heo đen tuyền rất hiếm nên có thể chọn heo trắng như kỳ heo lang (đốm trắng, đen). Heo tể phải qua nghi lễ tỉnh sanh. Heo cúng thần trong lễ kỳ yên phải được chọn mua cẩn thận, được chăm sóc kỹ lưỡng, khi làm thịt để cúng thì được trói lại, khiêng vào trước bàn thờ thần trình lễ, làm cho heo kêu tiếng to, để trình báo cho thần biết là heo còn sống, khỏe mạnh qua tiếng kêu để thần chấp nhận, vui lòng.

### **III. CÁC NGHI THỨC TRONG LỄ KỶ YÊN**

Lễ kỷ yên ở các đình có thời gian khác nhau, tùy thuộc vào từng nơi mà lễ nghi có sự giản lược trong một số nghi tiết nhưng những lễ chính theo lệ truyền vẫn được tuân thủ nghiêm ngặt. Thông thường các nghi tế thần phải đầy đủ các lễ: Túc yết, đàn cả và tế Tiên hiền, hậu hiền. Lễ kỷ yên là lễ lớn lễ trọng trong năm, thu hút nhiều người dân ở địa phương tham gia. Một số đình tổ chức lễ trong 3 ngày 3 đêm. Để chuẩn bị cho lễ kỷ yên, trong nội thất đình và khuôn viên được người dân dọn dẹp, trang trí, sửa soạn chu đáo.

#### **1. Nghi thức Thượng thần kỳ**

Trước khi vào lễ, cây phượng trước sân đình được thượng kỳ – tức cờ lễ/thần kỳ. Thông thường các thần kỳ là cờ ngũ sắc: phía giữa màu vàng (hành thổ), màu xanh (mộc), màu đỏ (hỏa), màu trắng (kim), ngoài cùng là màu tím (thủy), có đường viền, có đuôi nheo được kéo lên. Có đình thì Ban quý tế lập hương án dưới chân cây phượng nhưng cũng có nơi chỉ trình khăn trước bàn thờ Thần rồi thượng Thần kỳ (kéo cờ lên cao).

#### **2. Nghi thức thỉnh sắc**

Một số đình có sắc phong thường được giữ ở đình thì đến lễ kỷ yên làm lễ khai sắc. Thế nhưng, một số đình thì sắc phong không giữ ở đình bởi sợ mất và không bảo quản kỹ lưỡng (trước đây, trên địa bàn Biên hòa, có nạn sắc phong của đình bị mất cắp). Sắc phong được đưa về giữ và bảo quản cẩn thận tại một nhà của người có uy tín, có điều kiện đảm bảo trong quá trình lưu giữ. Có thể do ban Quý tế xem xét, chọn kỹ lưỡng trong các thành viên của ban quý tế.

Khi thỉnh sắc, đám rước gồm các thành viên trong chức trách được giao có liên quan trong Ban quý tế, tế tự tổ chức thực hiện. Đi thỉnh sắc, có người dân tham dự đi phía sau long đình (ngai làm bằng gỗ được sơn son, thếp vàng) do các lễ sinh kiệu đi. Từ đình, đoàn rước đi về nơi cất giữ sắc phong. Tùy theo cách thức tổ chức của mỗi đình mà đoàn rước đông hay không. Tổ chức đoàn rước thỉnh sắc trang nghiêm, trang phục các thành viên, bộ phận được phân công theo trang phục quy định trong ban tế tự thực hiện nghiêm chỉnh.

Nếu có đoàn rước có múa lân thì đoàn lân đi trước dẫn đường. Tiếp theo là những người cầm cờ lệnh, trống lệnh, trống, chiêng và dàn nhạc lễ. Hai bên hoặc tiếp theo sau là lễ sinh hóa trang như những người lính lệ ngày xưa hầu quan, tay cầm lỗ bộ của đình. Phía sau là long đình được 4 lễ sinh khiêng trên vai. Sau long đình là thành viên ban Quý tế và những người tham dự đoàn rước.

Đến nơi giữ sắc, có nghi thức dâng hương, dâng rượu, trình báo, bái lạy và khấn nguyện để thần biết và xin thỉnh nghinh về đình hành lễ. Các thủ tục xong, sắc thần được đặt trong long đình. Thường sắc thần đặt trong hộp gỗ hình chữ nhật được sơn màu đỏ. Sau đó, đoàn rước đi về đình. Có thể đoàn thỉnh sắc đi qua một vài con đường trong địa phận làng. Một số nhà người dân làm hương án nghinh khi sắc thần đi qua. Rước sắc chỉ được đi qua những con đường cầu làng đó mà thôi, không được đi qua địa phận của làng khác. Theo quan niệm “trống làng nào làng đó đánh, thần làng nào làng đó thờ”. Nên ban tổ chức thỉnh sắc rất kỹ càng những lộ trình đoàn rước đi qua. Trên lộ trình rước sắc thần, bắt đầu đi khởi ba hồi trống chiêng, sau đó tiếng trống chiêng được gióng lên theo ba tiếng một. Khi về đến đình, thì đoàn rước làm lễ an vị với các nghi thức dâng hương, dâng rượu, dâng trà.

### **3. Nghi thức lễ túc yết**

Còn gọi là lễ yết/ ra mắt thần. Trước khi làm lễ, người dân trong làng tập trung đông đảo tại đình. Theo lệ, lễ thường diễn ra vào ban đêm, giờ Tý. Ban quý tế, ban tế tự và những người lớn tuổi trong đình tổ chức hội họp tại đình để ra mắt, trình khấn những việc tổ chức lễ cho thần hoàng biết. Nhưng ngày nay, tùy thuộc vào mỗi đình mà tổ chức vào buổi sáng hoặc buổi chiều

Thực hiện lễ túc yết phải đầy đủ các thành viên trong ban tế tự và chức việc được giao phó, trang phục nghiêm trang và phải thực hiện các thủ tục tượng trưng trước khi hành lễ như rửa và lau mặt, lau tay, sửa soạn lại y phục. Các nghi thức theo tuần tự được lễ sinh xướng lên và Ban tế tự thực hiện, Ban nhạc lễ và những chấp sự viên khởi nhạc cụ của đình tùy theo nghi tiết mà thực hiện phù hợp.

Trong lễ Túc yết có các nghi tiết sau:

#### **3.1. Nghi tiết cử soát lễ vật (soát xét những lễ vật cúng thần)**

Đội lính hầu đứng hai bên hương án hội đồng. Các chấp sự viên, Chánh tế, Phó tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến tiến vào Hội đồng ngoại. Hai lễ sinh bung đèn cho vị Chánh tế, Phó tế, Bồi tế kiểm tra các lễ vật bày trên bàn. Tiếp theo, các vị chánh tế, phó tế, bồi tế cầm chén đựng một phần huyết và ít lông của con heo hiến tế đem ra sân đình chôn giấu. Sau đó, chánh tế, phó tế, bồi tế xá rồi lui ra.

### **3.2. Nghi tiết dâng hương**

Theo thứ tự, khi khởi hành nghi tiết thì các chấp sự viên khởi ba hồi trống, mõ, chiêng. Tiếp theo là trống, mõ, chiêng được đánh ba tiếng xen kẽ nhau ba lần (thái bình chung cô tề minh). Ban nhạc lễ vào trước hương án, khởi nhạc bản tấu “nghinh thiên tiếp giá” theo nhịp ba hồi chín chặp xong thì trở lui ra định vị tại bộ ván dành cho ban nhạc trong suốt thời gian lễ. Lễ sinh đặt đài hương lên hương án ngoại. Chánh niệm hương thực hiện các nghi thức bỏ trầm vào đài hương có sự phụ giúp của hai lễ sinh. Lễ sinh và đào thài dâng hương lên bàn thờ thần. Sau đó, thực hiện nghi thức dâng hương tại bàn thờ tả ban, hữu ban, liệt vị

### **3.3. Nghi tiết tuần rượu thứ nhất (sơ hiến lễ)**

Dàn nhạc lễ đánh tiếng Thét rồi đổ trống. Lễ sinh bung đài rượu vào, các vị Chủ tế, phó tế, bồi tế tiếp lấy bầu rượu xá, rót rượu vào ba cái ly (chung) rồi đưa cho lễ sinh. Một đôi lễ sinh bung đèn và một đôi bung cặp đài đi trước, theo sau là chánh tế, phó tế, bồi tế đến trước bàn hương án ngoại. Chánh tế rót đầy ba ly rượu trình hấn xong đưa cho lễ sinh, đi theo sau là đào thài tiến đến bàn thờ thần. Sau đó, lễ sinh rót rượu vào chung đến các bàn thờ khác (phân hiến). Các đào thài hát “Tân tước lễ dâng sơ hiến. Hiến tuần sơ là hiến tuần sơ”. Dàn nhạc lễ xây bạc lớp tư.

### **3.4. Nghi tiết đọc văn tế**

Văn tế thường được viết bằng chữ Hán trên giấy vàng hay hồng tuyền, kim tiên. Một số đình thì hiện nay viết bằng chữ quốc ngữ. Nội dung phần đầu văn tế nêu thời gian, địa điểm, Ban tế tự của đình làng khi tổ chức lễ cúng kỳ yên. Tiếp theo nêu liệt kê các vị thần được mời đến chứng giám và những lời ca ngợi công đức và lời khẩn nguyện của dân làng đối với thần thành hoàng bản cảnh.



Các vị trong ban tế tự đứng vào vị trí. Chủ tế đến trước hương án ngoại. Lễ sinh đem văn tế vào. Chuẩn bị đọc văn tế mọi người đều quỳ xuống kính cẩn. Các loại nhạc khí tạm ngưng. Thầy lễ đọc văn tế theo thứ tự. Đặc biệt khi nêu tên một vị thần thì ngưng để chấp sự viên khởi nhạc khí: ba tiếng của mõ, chiêng, chông. Khi văn tế đọc xong, thầy lễ đặt văn tế trên hương án ngoại. Nhạc khí cụ được gióng lên

### **3.5. Nghi tiết tuần rượu thứ hai (á hiến lễ)**

Thực hiện các nghi lễ tương tự nghi thức dâng tuần rượu thứ nhất. Lễ sinh bưng đài rượu vào, các vị Chủ tế, phó tế, bồi tế tiếp lấy bầu rượu xá, rót rượu vào 3 cái ly rồi đưa cho lễ sinh. Một đôi lễ sinh bưng đèn và một đôi lễ sinh bưng cặp đài đi trước, theo sau là Chánh tế, phó tế, bồi tế đến trước bàn hương án ngoại. Chánh tế rót đầy ba ly rượu trình hân xong đưa cho lễ sinh, đi theo sau là đào thài tiến đến bàn thờ thần. Sau đó, lễ sinh rót rượu vào chung đến các bàn thờ khác (phân hiến). Các đào thài hát “Á hiến lễ, lễ dâng trung hiến. Hiến tuần trung là hiến tuần trung”

### **3.6. Nghi tiết tuần rượu thứ ba (chung hiến lễ)**

Thực hiện các nghi lễ tương tự nghi thức dâng tuần rượu thứ nhất, thứ hai. Lễ sinh bưng đài rượu vào, các vị Chủ tế, phó tế, bồi tế tiếp lấy bầu rượu xá, rót rượu vào 3 cái ly rồi đưa cho lễ sinh. Một đôi lễ sinh bưng đèn và một đôi lễ sinh bưng cặp đài đi trước, theo sau là Chánh tế, phó tế, bồi tế đến trước bàn hương án ngoại. Chánh tế rót đầy ba ly rượu trình khấn xong đưa cho lễ sinh, đi theo sau là đào thài tiến đến bàn thờ thần. Sau đó, lễ sinh rót rượu vào chung đến các bàn thờ khác (phân hiến). Các đào thài hát “Chung hiến lễ, lễ dâng chung hiến. Hiến tuần chung là hiến tuần chung”

### **3.7. Nghi tiết hiến quả và bánh (hiến quả phẩm và hiến bình)**

Nhằm dâng hiến trái cây và bánh lên thần. Nghi tiết này thực hiện đơn giản. Lễ sinh xướng lên thì học trò lễ và đào thài theo nhạc dâng mâm trái cây, mâm bánh bàn thờ. Các đào thài vừa đi vừa quạt chứ không hát.

### **3.8. Nghi tiết tuần trà (dâng trà)**

Mục đích dâng trà cho thần. Nghi tiết thực hiện đơn giản. Lễ sinh xướng lên thì học trò lễ và đào thài theo nhạc dâng mâm trà bàn thờ

### **3.9. Nghi tiết ẩm phước (hưởng lộc của thần)**

Các loại vật phẩm dâng lên cho thần qua các nghi tiết trước đều được trình lên bàn thờ. Như vậy, thần đã hưởng và ban lại lộc này cho mọi người. Các vị chánh tế, phó tế, bồi tế, đông hiến, tây hiến quỳ trước bàn hội đồng ngoại đại diện nhận lộc. Lễ sinh vào bàn thờ thần trước chánh điện tiếp lấy rượu, trà, vật phẩm tế đem ra bàn hội đồng ngoại. Mỗi người nhận ly rượu uống, nhận phần thịt nâng lên ngang trán làm động tác hưởng lộc thần. Các đào thài hát “ẩm phước thọ tộ, chịu ân dư thần thánh. Mọi người đều khỏe mạnh dưới trên”

### **3.10. Nghi tiết đốt văn tế (Hóa văn tế)**

Văn tế được trình, đặt trên bàn hương án ngoại được lễ sinh tiếp lấy, sắp xếp dọc chữ ra ngoài. Văn tế được đốt do Chánh tế thực hiện, xem như thần thành hoàng đã nhận, đã biết và Ban tế tự đã làm xong phận sự trình khẩn khi ra mắt. Nghi tiết đốt văn tế chấm dứt Nghi thức Túc yết trong lễ kỳ yên.

## **4. Nghi thức lễ tỉnh sanh**

Có nơi gọi là trình sanh: trình với thần về con vật hiến tế còn sống. Còn khỏe mạnh. Lễ thường bắt đầu vào giờ tý. Con heo hiến tế còn sống bị cột bốn chân, có nơi dán giấy đỏ trên trán heo, đặt trên chiếc ghế dài trước bàn thờ hương án ngoại, đầu quay vào trong.

Thành viên Ban tế tự thực hiện nghiêm trang. Mỗi vị khi thực hiện các nghi tiết đều rửa tay, rửa mặt, chỉnh y trang phục gọn gàng. Lễ sinh xướng các phần việc theo thứ tự. Nghi tiết dâng hương do chánh niệm hương đốt rồi giao cho lễ sinh dâng lên bàn thờ thần và phân hiến ra các bàn thờ khác. Nghi tiết dâng rượu do Chánh tế thực hiện và lễ sinh dâng lên. Sau đó, người đồ tể vào bái lạy cùng hai

người phụ giúp. Con heo hiến tế được đưa vào. Chánh tế cầm ly rượu đổ vào miệng và rưới lên mình con heo trước khi thọc tiết. Chánh tế cầm chén hứng lấy những giọt huyết đầu tiên và một ít lông cạo từ gáy heo bỏ chung vào chén. Lễ sinh dâng chén huyết, lông này lên bàn thờ (mao huyết). Sau đó, con heo được khiêng ra. Kế tiếp, lễ sinh thực hiện nghi tiết dâng trà đặt trên hương án. Chánh tế cầm chén huyết và lông đem ra một địa điểm trong phạm vi sân đình lấy dao đào một lỗ đất, chôn huyết, lông này xuống (é mao huyết). Địa điểm thường chôn là ở một gốc cây hay dưới chân của tấm bình phong.

## **5. Nghi thức lễ Đàn cả**

Còn gọi là lễ Đoàn cả hoặc tụ họp đầy đủ. Đây là lễ chính trong lễ kỳ yên. Theo lệ xưa, lễ đàn cả thường bắt đầu lúc 0g ngày thứ hai; tuy nhiên ngày nay thời gian hành lễ tùy thuộc vào mọi đình, thường là vào buổi sáng.

Các thành viên trong Ban tế tự, chức việc đều thực hiện các thủ tục, nghi tiết như lễ Túc yết. Lễ Túc yết nghinh thần thì lễ Đàn cả là Tế thần. Các nghi tiết trong lễ đàn cả: dâng hương, dâng rượu (tuần nhất, nhì, ba), dâng trái cây và bánh, dâng trà, âm phước, ... Có nơi, nghi lễ đốt văn tế không thực hiện trong lễ túc yết mà thực hiện trong lễ đàn cả.

Khởi đầu Lễ Đàn cả cũng khởi ba hồi mõ, chiêng, trống. Lễ sinh tuần tự xướng các phần việc trong các nghi tiết dâng tế. Có một số điểm khác sau: Lễ túc yết xướng “Nghinh thần cúc cung bái”, “lễ thành” thì lễ đàn cả xướng “tạ thần cúc cung bái”, “lễ tất”.

## **6. Nghi lễ tế tiên hiền và Hậu hiền**

Tùy thuộc vào từng đình mà thời gian tổ chức Nghi thức Lễ tế Tiên hiền, hậu hiền, khác nhau. Có khi tế sau khi thực hiện nghi thức đàn cả hoàn tất, có nơi để sang ngày thứ ba mới thực hiện.

Các thành viên trong Ban tế tự được phân công đứng vào các vị trí quy định. Lễ sinh xướng các phần nghi tiết để từng thành viên theo tuần tự thực hiện. Tất cả những nghi tiết thực hiện trước Hương án bàn thờ Tiên hiền Hậu hiền. Trước tiên, vị Chánh niệm Hương khấn nguyện và đưa hương cho lễ sinh dâng lên bàn thờ Tiên hiền Hậu hiền. Tiếp theo, các vị Chánh tế, Phó tế, bồi tế thực hiện dâng

rượu lần thứ nhất. Sau khi tuần rượu thứ nhất xong, người dân tham dự vào bái lạy Tiên hiền, Hậu hiền. Thực hiện nghi tiết dâng tuần rượu thứ hai, lúc này chỉ châm rượu thêm vào các chung trên bàn thờ. Lễ sinh bung chúc văn đến hương án và có thầy lễ đi cùng. Mọi người quỳ cung kính, thầy lễ đọc văn tế, bên cạnh, học trò lễ bung đèn quỳ. Khi đọc xong, thầy lễ trao Chúc văn cho vị Chánh tế, vị Chánh tế giao lại cho lễ sinh dâng lên Hương án Tiên hiền Hậu hiền. Nghi tiết dâng rượu lần thứ ba. Chánh tế châm rượu thêm vào các chung rượu trên bàn thờ. Tiếp theo học trò lễ thực hiện nghi tiết dâng trái cây, bánh trà lên bàn thờ Tiên Hiền Hậu hiền. Sau đó, học trò lễ mang văn tế từ hương án Tiên hiền, Hậu hiền xuống và hỏa kết (đốt cho cháy hết).



Bàn thờ Hậu Hiền



Bàn thờ Tiên Hiền

## 7. Nghi thức lễ hội sắc

Sau khi lễ Kỳ yên kết thúc, ban tế tự thực hiện nghi thức Lễ hội sắc: đưa sắc thần về nơi cất giữ. Nghi thức hội sắc tương tự như Lễ thỉnh sắc. Song cũng tùy thuộc và từng đình mà có sự giản lược. Có đình không có nghi thức này vì sắc được giữ tại đình hoặc đình không có sắc phong. Có thể, khi hội sắc không có đoàn lân, đoàn rước cũng không đông như lúc thỉnh sắc. Tổ chức đoàn hội sắc trang nghiêm, các thành viên, bộ phận được phân công theo trang phục quy định trong ban tế tự thực hiện nghiêm chỉnh. Thứ tự đi trong đoàn

như khi thực hiện thỉnh sắc. Sau khi khấn nguyện, khấn trình, sắc thần được đưa vào long đình đưa về nơi cất giữ. Đến nơi phải làm lễ an vị với những nghi tiết dâng hương, dâng rượu, dâng trà, trình khấn và đặt hộp đựng sắc thần an vị chỗ cũ.

## **8. Nghi thức đưa khách**

Có nơi gọi là Tổng ôn, tổng phong, tổng dịch, tổng quái. Lễ đưa khách được thực hiện ngoài sân đình nhằm đưa tiễn các lực lượng linh ứng đã quy phục thần thành hoàng về dự lễ. Và người dân cũng cầu mong qua nghi thức này, các ôn dịch, bệnh tật, gió độc, .. được tống đi xa. Không gây hại, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của dân làng. Cũng tùy thuộc từng đình mà tổ chức quy mô lớn hay nhỏ, đầy đủ các nghi tiết hay giản lược phần nhiều. Có nơi tổ chức từ sân lễ ra bến nước trước đình. Có nơi phải trải qua một đoạn đường khá dài từ đình ra bến nước, bến sông nào đó trong phạm vi làng đã được chọn. Các lễ vật thường là gạo, muối, giấy tiền mã...

Ngoài lễ vật của đình, những gia đình trong làng xóm cũng có thể đem góp những lễ vật chung trong lễ nghi này. Lễ sinh xướng các bước thực hiện. Sau khi thực hiện các nghi tiết dâng hương, rượu, trà, thầy lễ đọc sớ rồi đốt đi. Tất cả lễ vật, đèn, nhang, ... được bỏ trên một chiếc bè hay một chiếc thuyền bồi bằng giấy. Trông được giống lên theo thể ba dùi một. Học trò lễ và nhiều người tham dự cùng phụ thay đưa bè (hay thuyền giấy bồi) ra bến. Trên đoạn đường đi nhiều người rải thí muối gạo. Bè được kéo ra xa cho dòng nước chảy đưa đi thật xa.

#### IV. CÁC NGHI THỨC TRONG ĐẠI LỄ KỲ YÊN

Thông thường, đáo lệ 3 năm, thì đình làng tổ chức Đại lễ Kỳ yên. Trong lễ này, các nghi thức cúng tế được tổ chức chu đáo, đảm bảo theo tuần tự. Đặc biệt trong Đại lễ kỳ yên có sự phối hợp giữa các nghi thức cúng tế và hình thức diễn xướng do các đoàn hát bội được mời đảm trách đó là lễ xây châu – đại bội và hát tuồng. Lễ này thường được tiến hành ngay sau nghi thức đàn cả hoàn tất. Đây được xem là phần hội trong đại lễ kỳ yên.

Trong lễ này, ngoài các nghi thức của một lễ kỳ yên theo lệ của đình làng thì còn có các lễ xây châu – đại bội – hát tuồng, châu văn. Trong các lễ này có các nghi thức, nghi tiết thực hiện như sau:

##### 1. Nghi thức rước tổ hát bội

Tổ chức vào ngày đầu tiên của đại lễ kỳ yên. Đoàn hát bội đến đình, khi đến cổng đình thì đoàn dừng lại, khởi trống để báo châu, thượng hương, thắp đèn trên ngai tổ hát đem theo. Đại diện của đình đem khay đựng trà, rượu, nhang, đèn, tiền lễ ra chào mời. Đoàn hát tiếp lấy và thỉnh đưa ngai tổ vào an vị trong hậu trường nhà Võ của đình. Tiếp đó, đoàn mới di chuyển đồ nghề vào, thực hiện việc trang trí sân khấu cho các buổi diễn.



##### 2. Nghi thức lễ xây châu

Còn gọi là Lễ khai tràng. Là nghi thức đánh trống nhằm biểu trưng cho việc khai mở, khai thông thế giới thể theo nguyên lý âm dương trong dịch lý của Đạo giáo theo quan niệm: Thiên – địa – nhân (thuận đạo trời, an đạo đất, hòa đạo người).

Trống trong lễ Xây chầu là loại trống lớn. Giữa mặt da trống vẽ vòng thái cực. Nơi đặt trống được chọn kỹ càng theo hướng đại lợi, không được dịch chuyển trong thời gian xây chầu với quan niệm đem lại nhiều may mắn, phát đạt cho dân làng. Tiêu chuẩn chọn người Xây chầu thường ở độ tuổi trung niên trở lên (trên 45 tuổi) phải thực hiện kiêng cử trong sinh hoạt trước lễ hội để giữ tâm tịnh, có sức khỏe.

Lễ Xây chầu thực hiện trước bàn thờ hội đồng ngoại. Các thành viên Ban tế tự thực hiện tuần tự các nghi tiết theo lễ sinh xướng. Các nghi tiết nguyện hương, dâng hương, dâng rượu (ba lần) và dâng trái cây, bánh, trà được thực hiện. Tiếp theo, vị chấp sự thực hiện các công đoạn: khăn thỉnh nguyện, xếp khăn đỏ phủ mặt trống, lau mặt trống, quấn buộc khăn vào tay cầm dùi.

Tuần tự, vị chấp sự với tư thế đứng, tay cầm dùi viết khơi chữ và điểm trống. Nghi thức đánh trống chia làm 3 giai đoạn:

+ Giai đoạn thứ nhất gọi là đệ nhất cấp. Đánh ba lần trên 3 điểm ở mặt trống. Mỗi lần 3 tiếng nhẹ, vừa đánh vừa đọc lời nguyện theo thứ tự. Lời nguyện có khác nhau nhưng tựu chung cầu điều an, thịnh vượng cho làng xã, đất nước, cho mọi người như sau:

- đánh trống lần thứ nhất/ nhất kích cổ: Nhất đả cổ thiên hạ thái bình hoặc Sơn hà xã tắc thiên hạ thái bình ...

- đánh trống lần thứ hai/ nhị kích cổ: Nhị đả cổ xã tắc khương ninh hoặc Phong hòa vũ thuận. Bá tánh an cư lạc nghiệp ...

- đánh trống lần thứ ba/ tam kích cổ: Tam đả cổ lê dân hoan lạc, bá gia thọ phúc hoặc lê thứ thái bình ...

+ Giai đoạn thứ hai gọi là đệ nhị cấp. Đánh ba hồi trống ở vòng thái cực giữa mặt trống. Tiếp theo mỗi lần đánh nhẹ và xướng như sau:

- Đánh trống lần thứ nhất/ nhất cổ điểm: Nhất điểm lôi oanh Thiên thần cảm ứng hoặc trừ càn Khảm (trừ sự bại, sự hư)

- Đánh trống lần thứ hai/nhị điểm cổ: Nhị điểm động địa Vạn thánh giáng linh hoặc Lập trung chấn căn (cô lập sự khốc lóc, sự chết, quỷ)



- Đánh trống lần thứ ba/tam điểm cổ: tam điểm bốn thôn Phú thọ khương ninh hoặc Tôn Ly Khôn Đoài (cầu xin phú, lộc, phúc, đức)

+ Giai đoạn thứ hai gọi là Tam đả cổ. Đánh một hồi trống ở vòng thái cực giữa mặt trống. Tiếp theo, chấp sự đánh ba hồi trống, đánh mạnh. Mỗi hồi trống theo thứ tự vừa đánh vừa hô: Nhứt đả cổ linh thần lai giáng hạ (hồi thứ nhất), Nhị đả cổ bốn thôn, hương chức, binh đình tân cựu khương ninh (hồi thứ hai), Tam đả cổ bá tánh bình an vô sự (hồi thứ ba). Ban đầu nhịp trống thưa nhưng càng về sau càng nhịp hơn với quan niệm “tiền bần hậu phú”, có mục đích, ý nghĩa cầu cho dân làng ngày càng thịnh vượng.

Trống châu khai tràng, dàn trống chiến đáp lại theo thể thức. Trống châu được khiêng đặt dưới sân khấu. Lễ Xây châu thực hiện các nghi thức để Khai thông thái cực để tiếp tục tiến hành Lễ Đại bội.

### **3. Nghi thức Lễ Đại bội**

Lễ Xây châu kết thúc, ban nhạc lễ trở điệu song hi còn gọi là rước châu. Tiếp theo, các đào kép đoàn hát bội ra sân khấu tùy theo vai để thực hiện cảnh diễn về quá trình hình thành vũ trụ và phát triển của vạn vật theo quan niệm dịch lý của Đạo giáo. Những màn diễn của các đào kép vừa có tính sân khấu hóa đồng thời cũng mang tính nghi lễ, phản ánh ý nghĩa của mục đích cầu an, cầu lành. Một chương trình Lễ Đại bội gồm các tiết mục tuần tự sau:

+ Khai thiên tịch địa: Có ý nghĩa là khai mở trời, đất. Theo truyền thuyết, ông Bàn Cổ xuất hiện lúc âm dương chưa định, vạn vật chưa sinh. Một người vào vai ông Bàn Cổ được hóa trang với bộ dạng cổ quái, mặt rần như chim, râu đen, áo ngạch dơi. Màn diễn chỉ có múa má không có hát. Ông Bàn Cổ tay cầm bó nhang đã đốt khói nghi ngút múa những động tác mạnh ra bốn hướng. Múa xong dâng bó hương cho hương chức mang lên cúng thần. Màn múa này tượng trưng cho thái cực đang vận hành.

+ Xang nhựt nguyệt

Màn diễn này tượng trưng cho âm dương (Thái cực vận hành sinh ra âm dương). Âm dương giao hòa thì nảy sinh vạn vật. Có hai diễn viên hóa trang tượng trưng một cho khí dương – mặt trời (Thái Dương thiên tử/ nam đóng vai) và một cho khí âm – mặt trăng (Thái Âm hoàng hậu/nữ đóng vai). Vai Thái Dương thiên tử đầu đội mào gắn lông chim trĩ, mặt đỏ, vận long bào, quần giáp, mang hia, tay cầm đĩa chén tròn bọc vải đỏ. Vai Thái Âm hoàng hậu đầu giắt trâm, mặt trắng, vận áo cổ lá sen, chân đi vớ trắng, tay cầm đĩa chén tròn bọc vải trắng. Hai vai nam nữ cùng múa, thường quay mặt vào nhau, thỉnh thoảng cho hai đĩa chén chạm úp vào nhau biểu hiện sự giao hòa, tương sinh tương khắc giữa âm - dương.

+ Tam tài (Thiên – Địa – Nhân): Còn gọi là Tam đa (đa phúc, đa lộc, đa thọ), hay Tam tinh (ba ngôi sao Phúc, Lộc, Thọ). Ba người vào vai ông Phúc – Lộc – Thọ. Vai ông Phúc được hóa trang ông già đầu đội mũ đằng cân, mặt trắng, râu có năm chòm dài, mặc áo viên bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hài, tay cầm quạt, tay bông đũa trẻ. Vai ông Lộc được hóa trang ông già đầu đội mũ bình thiên, mặt trắng, râu có năm chòm đen, mặc áo bào, xiêm trường, quần giáp, chân đi hia, tay cầm bình hoa, tay cầm quạt. Vai ông Thọ được hóa trang ông già đầu bịt khăn đỏ, tóc và lông mày đầu bạc, râu trắng năm chòm, da đồi mồi, mặc áo tiên tay rộng, xiêm quần đỏ, tay cầm quạt, tay cầm bầu rượu. Ba vai này cùng hàng ngang, không múa, lần lượt xướng, nói lời, hát khách với những câu có nội dung cho người đều có: Phúc – Lộc - Thọ.

+ Tứ thiên vương

Tượng trưng cho Tứ tượng: Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm. Bốn người nam vào vai Tứ vị Thiên vương được hóa trang đầu đội mũ kim khôi, mặt hoa da phấn, mặc giáp thắt lưng đỏ, lưng đeo cờ lệnh, chân đi hia. Tứ vị Thiên vương từng người múa đơn rồi sau cùng múa chung, trước chậm sau nhanh, lúc tan, lúc hợp, tạo hình rất độc đáo. Sau đó cùng chung xô, giương 4 cuốn thư là các câu liền có nội dung: “Thánh thọ vô cương, thọ tử nam san. Quốc thái dân an. Phong điều vũ thuận”. Kết thúc màn diễn múa khi Tứ thiên vương dâng liễn.

+ Đứng cái

Tượng trưng cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Năm người vào vai diễn với sự phân công: cái (tượng trưng cho hành Thổ) do một người nam đảm vai đứng giữa. Con (tượng trưng cho các hành Mộc, Hỏa, Kim, Thủy) do bốn người nữ đảm vai đứng bốn bên. Vai người đứng Cái (tên Mã Viên), được hóa trang đầu đội mũ Cửu long, mặt trắng, vận hoàng bào, tay cầm quạt. Bốn con cùng họ Mã nhưng có tên theo Tứ thời (Xuân, Hạ, Thu, Đông) hay Tứ hữu (Mai, Lan, Cúc, Trúc). Bốn con được hóa trang đầu cài trâm, mặt hoa, da phấn, chân đi vớ, tay cầm quạt, áo cứng với hành Mộc, Hỏa, Kim, Thủy. Cụ thể:

- Mã Xuân Mai mặc áo xanh, tượng trưng cho mùa Xuân, ứng với hành Mộc
- Mã Hạ Lan mặc áo đỏ, tượng trưng cho mùa Hạ, ứng với hành Hỏa.
- Mã Thu Cúc mặc áo trắng, tượng trưng cho mùa Thu, ứng với hành Kim
- Mã Đông Trúc mặc áo tím, tượng trưng cho mùa Đông, ứng với hành Thủy.

Cái và bốn Con xếp hàng hát những bài có nội dung chúc tụng, cầu mong quốc thái, dân an, an khang, thịnh vượng. Sau khi hát xong thì bái thần theo thứ tự Con trước, Cái sau.

+ Bát tiên hiến thọ

Tượng trưng cho Bát quái. Tám người vào vai tám vị tiên chúc thọ với những hóa trang theo đặc điểm riêng. Mỗi vị tiên cầm những “bảo vật” tượng trưng cho những thức ăn, của quý giúp con người trường sinh. Các vai tám vị tiên hát các bài theo điệu lối, khách và dâng phẩm vật

+ Gia quan tấn bước

Là lễ phụ có màn diễn mang tính hài ước. Một người đóng vai Linh quan (thường dưới hình dạng ông Địa, vui tính), được hóa trang đầu đội mũ cánh chuồn, đeo mặt nạ ông địa, mặc cẩm bào, cầm quạt múa vui sau đó múa bút viết 1 câu liễn có nội dung “Gia quan Tấn tước” (thăng quan tiến chức) giao cho Ban tế tự đặt ở bàn thờ Hội đồng ngoại.

#### 4. Nghi thức lễ tôn vương

Sau nghi thức của Lễ Đại bội với các màn diễn là hát tuồng với những vở có nội dung diễn tích xưa, thể hiện phần chính nghĩa thắng phi nghĩa, chân đạo thắng tà đạo, lòng trung thành, chân thật thắng sự hiểm ác, xu nịnh. Tích tuồng San Hậu và một số tích tuồng khác được các đoàn hát chọn diễn. Thông thường đến tuồng thứ ba thì thực hiện Lễ Tôn vương (tôn soái – nhân vật chính được phong tướng). Các nghi tiết trong diễn tuồng có sự kết hợp với một số thành viên trong Ban tế tự thực hiện những nghi lễ tôn, dâng. Như vậy, cho thấy hát tuồng là vừa thực hiện nghi lễ cúng dâng thần đồng thời phục vụ cho người dân tham dự lễ hội thường thức.



Nghi thức lễ tôn vương tại đình Tân Hóa (xã Hóa An, Tp. Biên Hòa)

Những vai diễn trong tuồng được hóa trang sao cho làm nổi bật được nhân vật phù hợp với địa vị, tính cách, hành động liên quan trong câu chuyện. Tùy theo cách diễn của từng đoàn mà có những cảnh tương ứng, phù hợp theo cách diễn nhưng phải làm rõ được cảnh Tôn vương với những nghi thức trang trọng.

Đây là một đoạn mô tả khá chi tiết về cảnh Tôn vương trong Tuồng San Hậu: “Khi tuồng hát đến đoạn trao quốc ấn cho Hoàng tử thì ngưng hát, tất cả diễn viên vào hậu trường thay đổi xiêm y mới, đẹp. Một vị cầm lọng đứng trước sân khấu che ấn kiếm đang được hoàng tử bung trên khay bước đến bàn thờ thần, bá quan cùng đi theo, đến gần nghi thờ thần, hoàng tử trao khay ấn kiếm cho Chánh bái, Bồi bái đứng đằng sau cầm hai cây hồng lạp”. Một diễn viên hô: “Phản tiền vi hậu”, tất cả diễn viên quay mặt hướng xuống sân khấu, hai

ông Chánh bái, Bồi bái đi giạt lùi tiến đến bàn thờ thần, đặt khay ấn kiếm lên nghi thờ. Điều này có ý nghĩa không muốn cho ai thấy phút giây trịnh trọng nhất của sự dâng kiếm này. Khi đã đặt ấn kiếm lên nghi thờ xong xuôi, đạo diễn lại hô “Phản hậu vi tiền” thì lúc này tất cả mọi người mới quay mặt lại nghi thờ thần, ý nghĩa là chiêm bái vua. Đồng bào xem hát đứng nghiêm nhìn lên bàn thờ thần, các quan đồng hát đặc ngữ tung hô: “ Tôn vương tức vị; Nối dõi tiên hoàng, Chúc thọ tử nam san; phước như đông hải, vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế”. Tung hô xong hoàng tử lạy bốn lạy, các diễn viên lạy 5 lạy xong quay ra sân khấu tiếp tục hát tiếp lễ tức vị (hoàng tử lên ngôi và bá quan văn võ tôn vương).

## **5. Nghi thức hồi châu**

Mục đích của lễ là trình cáo với Thần việc hát châu đã kết thúc. Trống châu được khiêng ra sân khấu. Lễ sinh và vị chấp sự thỉnh roi châu (là chấp sự thực hiện phần Xây châu) đi ra làm lễ. Lễ sinh xướng “Chấp sự viên hồi cổ”. Chấp sự viên khẩn nguyện, hô lớn: “Tây trừ tiền nguyện. Thấu đến thiên hoàng. Hát xướng đã yên. Phong điều vũ thuận. Quốc thái dân an”. Tiếp theo, chấp sự đánh hai hồi trống châu: hồi thứ nhất 12 tiếng trống lớn, hồi thứ hai tiếng trống trước lớn sau nhỏ dần. Đánh trống xong, chấp sự thực hiện các nghi tiết vái bàn thờ thần và vát roi châu lên sân khấu. Đào ghép gánh hát bội nhặt lấy, sau đó chuyển cho dân làng.

Trong đại lễ kỳ yên, ngoài nghi thức tế thần và xây châu, đại bội, tôn vương, hồi châu được tuân tự thực hiện theo lệ. Nhưng cũng tùy thuộc vào nguồn vật lực của từng nơi mà các đình có giảm lược một số nghi tiết. Nhưng các nghi thức chính được đảm bảo. Đại lễ kỳ yên thể hiện phân hội khá sinh động với những nghi thức có hát diễn tích tuồng như đã nêu ở trên. Người dân tham dự lễ được vái kiến thần, khẩn nguyện cầu mong những điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình, gia tộc, dòng tộc ... Trong quá trình dự lễ, người dân được ăn uống trong các bữa tiệc do Ban tổ chức lễ đãi với quan niệm cho mọi người được thụ hưởng lộc của thần ban cho.

*Hiện nay, trong những đêm lễ hội Kỳ yên tại các đình làng Biên Hòa, loại hình nghệ thuật truyền thống như đờn ca tài tử được các đoàn biểu diễn giao lưu cuốn hút đông đảo người xem, trở thành nét sinh hoạt văn hóa độc đáo. Trong quá trình phát triển hiện nay, các loại hình di sản văn hóa dân gian cần giữ gìn bản sắc riêng, đồng thời tạo được động lực đẩy mạnh sự phát triển chung. Cùng với các giá trị di sản văn hóa dân gian như: truyện kể, phong tục tập quán, ngành nghề thủ công, ... thì tập quán tín ngưỡng dân gian thông qua các lễ hội của các cộng đồng trên vùng đất Biên Hòa Đồng Nai là nguồn di sản quý báu cần được bảo tồn và phát huy hiệu quả hơn trong quá trình phát triển hiện nay. Môi trường xã hội ở Biên Hòa Đồng Nai có nhiều thay đổi so với trước. Một số địa bàn nông thôn vốn là môi trường lưu tồn văn hóa dân gian đã dần thay đổi, chuyển biến mạnh mẽ mang tính chất đô thị. Dù có thay đổi thế nào, nhưng thiết chế tín ngưỡng, mỹ tục và hệ thống nghi lễ vẫn tồn tại và luôn là một nhu cầu lớn trong đời sống tinh thần, tâm linh của con người.*

## CHƯƠNG III

### GIẢI PHÁP PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

#### TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam nói chung và văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Văn hóa Đồng Nai còn là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn hoá đến từ các địa phương khác để không ngừng hoàn thiện và phát triển. Văn hóa là cái gốc của dân tộc. Văn hóa dân gian xác định sức mạnh bản sắc văn hóa của một cộng đồng dân tộc.*



## I. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢN SẮC VĂN HÓA

Hiện nay các loại hình văn hóa dân gian đang đứng trước nguy cơ mai một trong cộng đồng. Các yếu tố tác động có thể nhìn nhận từ nhiều phía:

- Những biến động chính trị, xã hội qua các thời kỳ lịch sử của đất nước Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng đã làm xáo trộn và thay đổi cách thức các hoạt động văn hóa. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, sự tiếp thu, chịu ảnh hưởng của nhiều luồng văn hóa bên ngoài đã tác động mạnh đến bản sắc văn hóa vốn có. Thế hệ trẻ trong nhịp sống công nghiệp có xu hướng làm việc tại môi trường đô thị, xa môi trường truyền thống, tiếp thu nhanh chóng những giá trị, kỹ thuật, tiện nghi hiện đại, nhòa dần các bản sắc truyền thống;

- Những lớp người am hiểu, truyền thụ văn hóa của cộng đồng dần mất đi theo quy luật của đời người, đem theo những vốn quý di sản mà chưa có sự truyền dạy lại cho thế hệ trẻ;

- Vì đời sống kinh tế, nên mọi người sẽ tập trung đi làm, thời gian nghỉ chủ yếu vào cuối tuần, mà theo lệ ngày diễn ra các hoạt động văn hóa (như lễ hội, diễn xướng, ...) đôi khi diễn ra vào các ngày trong tuần nên khó có thể tham gia. Bên cạnh đó các hoạt động văn hóa muốn tổ chức chu đáo và đúng quy định thì cần một nguồn kinh phí, từ trước tới nay, chủ yếu là từ nguồn huy động đóng góp trong dân làng.

Duy trì nền văn hóa của một dân tộc là duy trì sức sống về mặt tinh thần, tư tưởng, tình cảm của cả dân tộc. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai những năm qua là minh chứng cho sự nghiệp xây dựng và sáng tạo to lớn của nhân dân Đồng Nai, cùng với đó là một quá trình cải biến xã hội sâu sắc, đòi hỏi phát huy khả năng và trí tuệ ở mỗi con người. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế, kết cấu xã hội, nhu cầu tăng nhanh về văn hóa của các tầng lớp dân cư, quá trình dân chủ hóa, v.v... là những yếu tố làm thay đổi nhiều mặt đời sống văn hóa của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai. Thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ cùng với việc mở rộng giao lưu quốc tế là cơ hội để chúng ta tiếp thụ những thành quả trí tuệ của loài người, đồng thời cũng đặt ra những thách

thức mới trong việc phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Để bảo tồn và khai thác hiệu quả di sản văn hóa dân gian của dân tộc, không chỉ dựa vào ý thức tự giác của mỗi người dân; mà còn phải dựa vào những phương pháp cụ thể, thích hợp và khoa học. Theo tôi, để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện một số hoạt động sau.

## **II. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC**

### **1. Truyền thông văn hóa dân gian qua Internet**

Có nhiều phương thức khác nhau để truyền thông văn hóa như: tổ chức hội thảo, đăng bài trên các báo, tổ chức các cuộc thi về văn hóa, đưa các nội dung về bản sắc văn hóa đến trường học, ... ngày nay, internet là một kênh truyền thông khổng lồ trên toàn thế giới, có ảnh hưởng mạnh và dần thay thế các kênh truyền thông khác, kể cả kênh truyền thông lâu đời nhất là báo chí. Do vậy, để truyền thông nhằm phát huy văn hóa dân gian, bản sắc văn hóa dân tộc không thể bỏ qua Internet. Có nhiều hình thức khác nhau để truyền thông qua Internet như: lập Website chính thức của những đơn vị, tổ chức chuyên môn về văn hóa, ví dụ Website của Hội văn nghệ dân gian Việt Nam (<http://hoivannghedangianvietnam.vn>); xây dựng blog cá nhân, xây dựng các diễn đàn (forum), thông qua mạng xã hội như facebook, kênh youtube, ... mỗi hình thức có ưu nhược điểm riêng. Theo tôi, để góp phần phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa, công cụ hỗ trợ về truyền thông văn hóa thông qua internet, có thể được chọn lọc và sử dụng là Blog, Facebook và youtube. Các công cụ này có thể hỗ trợ nhau để tạo nên độ lan tỏa thông tin mạnh nhất..



Bài viết về tín ngưỡng thờ Tiên sư trên Website Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai  
**Blog**

Clip Youtube giới thiệu về lễ Kỳ yên tại đình An Hòa

Facebook cá nhân giới thiệu về Lễ Giật giàn ở Bến Gỗ

Blog thường là một dạng webste của cá nhân, được trình bày giống như nhật ký. Hiện nay cộng đồng mạng có xu hướng lướt nhanh trên net để tìm kiếm thông tin và họ có xu hướng chỉ đọc các bài viết ngắn, bài dài sẽ bị bỏ qua vì mất nhiều thời gian đọc. Với blog, mỗi bài thường không dài, chỉ từ 1 đến 2 trang nên dễ đọc, dễ thu hút người đọc với nội dung thú vị, hấp dẫn và dễ hiểu. Điểm thú vị của blog là mỗi bài đều có phần nhận xét, cho phép người xem nêu các nhận xét của mình, tính tương tác qua lại cao, giúp làm sáng tỏ vấn đề và giúp blog có độ lan tỏa cao.

Tạo blog rất dễ, hầu như miễn phí và không đòi hỏi chủ nhân blog có trình độ công nghệ thông tin cao. Đây là một môi trường thích hợp để những người yêu thích văn hóa dân gian phổ biến bài viết của mình. Ở Blog ta có thể phân loại, sắp xếp bài viết theo chủ đề, thời gian và giúp cho người đọc dễ dàng tìm được thông tin cần thiết.

## **Mạng xã hội Facebook**

Mạng xã hội tiêu biểu hiện nay, được nhiều người tại Việt Nam sử dụng là Facebook. Đây là nơi mọi người cùng tham gia, làm quen và đưa lên đó đủ thứ với nhiều hình thức như văn bản, hình ảnh, video, ... Thông qua các đề tài được đưa lên Facebook, mọi người tiếp xúc với nhau, càng đông người càng dễ gặp gỡ nhau và dễ truyền bá những ý tưởng, đề tài của nhau và đôi khi tạo nên nguồn dư luận ảnh hưởng mạnh mẽ tới toàn xã hội. Đây là một kênh lý tưởng để truyền thông.

Các thông tin trên Facebook nhiều vô kể và đủ thứ nội dung khác nhau. Hầu hết thông tin đưa lên Facebook đều ngắn và đọc lướt nội dung. Người xem sẽ chú trọng vào những gì thú vị. Ở đây, ta có thể kết hợp facebook và blog vào truyền thông bằng cách đặt đường link những bài viết hay ở blog lên Facebook, để mọi người tiện theo dõi cho những bài viết công phu.

## **Youtube**

Youtube là một website cho phép mọi người đưa lên những video clip của mình, cũng như xem video clip của người khác. Tại Việt Nam, youtube là website được xem nhiều thứ 5. Chúng ta có thể tận dụng kênh này để đưa lên những video clip về văn hóa, các loại hình nghệ thuật dân gian, với những nội dung hấp dẫn, thú vị. Hoặc thông qua các lần tham gia các hoạt động văn hóa, quay lại các clip và đưa lên youtube giới thiệu, phổ biến cộng đồng, là một việc làm cần thiết và không quá khó. Đăng ký là thành viên youtube để có quyền đưa video clip lên đó là một việc miễn phí và không có gì khó khăn. Đây là một môi trường rất tốt để phổ biến những tư liệu về bản sắc văn hóa dân tộc. Ở đây có thể kết hợp Facebook và Youtube để tăng tính truyền thông bằng cách đặt link những clip đăng trên youtube trên facebook hoặc đăng trực tiếp clip lên trang facebook cá nhân.

Internet là một phương thức truyền thông cực kỳ hiệu quả. Ứng dụng Internet để truyền thông về bản sắc văn hóa là một việc trong tầm tay của mỗi người.

## **2. Giáo dục về văn hóa dân gian**

Ngày nay vốn hiểu biết về văn hóa dân gian trong cộng đồng ngày càng suy giảm. Để bảo tồn các bản sắc văn hóa này, một hoạt động cần thiết là giáo dục, nâng cao nhận thức, hiểu biết về văn hóa dân gian. Có nhiều hình thức để giáo dục như: thông qua các bài học, các cuộc thi do tỉnh tổ chức, các cuộc dã ngoại về nguồn, ... Để phát huy giá trị của văn hóa dân gian trong giai đoạn hiện nay thông qua hoạt động giáo dục, cần quan tâm thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, cần đổi mới phương pháp giáo dục văn hóa dân gian theo hướng phát huy tính sáng tạo của người học. Các tiết học về bản sắc văn hóa dân gian có thể được tổ chức bằng hình thức dã ngoại, thăm quan, học tập từ thực tiễn.

Thứ hai, rà soát tổng thể chương trình đào tạo về văn hóa hiện đang giảng dạy ở trường đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (như Đại học Đồng Nai, Đại học Lạc Hồng, trường chính trị tỉnh, ...), bổ sung những kiến thức cần thiết có giá trị và loại bỏ các kiến thức ít giá trị về mặt tuyên truyền văn hóa.

Thứ ba, thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức về bản sắc văn hóa của tỉnh Đồng Nai cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Sở Văn hóa Thể thao Du Lịch cần quan tâm tổ chức bồi dưỡng hàng năm mở các lớp tập huấn ngắn hạn về lễ hội, văn hóa dân gian cho các cán bộ làm công tác quản lý văn hóa cơ sở, các trung tâm văn hóa, học tập cộng đồng phường xã, chủ sở hữu di tích có lễ hội ít nhất 1 ngày nhằm nâng cao biện pháp giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giá trị của di tích, lễ hội truyền thống, nhằm phát huy bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ tư, cần tạo phong trào nghiên cứu, học tập, nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương; khuyến khích việc tìm hiểu, học tập, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Làm cho người học hiểu biết hơn về đất nước, con người Đồng Nai, nâng cao lòng tự hào và bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước góp phần giáo dục đạo đức, hoàn thiện nhân cách học sinh. Phát huy ý thức bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ năm, tổ chức các hoạt động vui chơi bổ ích bằng những cách làm sáng tạo, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa như kể chuyện, nấu ăn, ảnh đẹp, clip hay giới thiệu về văn hóa dân gian cho mọi người biết. Có thể tổ chức trong các trường học qua đó giáo dục cho học sinh biết về bản sắc văn hóa dân tộc. Còn tại các cơ quan, công sở có thể thông qua tổ chức công đoàn tổ chức các hoạt động này.



Hình ảnh trao giải dự thi 2017



Câu hỏi thi năm 2018 tập trung vào bản sắc văn hóa, tín ngưỡng dân gian



Một nhân tố quan trọng nữa là cách thức tổ chức giảng dạy kiến thức văn hóa dân gian và lòng nhiệt tình của tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan là cần thiết để có thể phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Đối với tỉnh Đồng Nai, Ban tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu thành công Đề tài khoa học “Nghiên cứu, tuyển chọn xây dựng hệ thống các giá trị Văn hóa – Lịch sử trên địa bàn tỉnh đưa vào giảng dạy trong các trường đại học tỉnh Đồng Nai” đã được nghiệm thu xuất sắc (2014). Đây là một đề tài được thực hiện công phu, khoa học. Các giá trị văn hóa nói chung, văn hóa Đồng Nai nói riêng đã được tập hợp, hệ thống hóa một cách khoa học, logic. Và các nội dung nghiên cứu này được đưa vào đào tạo, giảng dạy tại các trường là hoạt động cần thiết.

### **3. Bảo tồn, khai thác tài nguyên văn hóa dân gian thông qua hoạt động du lịch**

Du lịch là một kênh quảng bá hữu hiệu để bảo tồn văn hóa dân gian. Du lịch được xem là cầu nối giữa các dân tộc, giữa các nền văn hóa trên thế giới. Qua hoạt động hướng dẫn du lịch, du khách có cơ hội không chỉ được tận mắt nhìn thấy trong thực tế, mà còn được hiểu về giá trị các di sản văn hóa nơi mình đến du lịch. Nhiều giá trị văn hóa chỉ có thể cảm nhận được trong những khung cảnh thực của tự nhiên, của nếp sống truyền thống cộng đồng mà không thể có phim ảnh, diễn xuất nào có thể chuyển tải được. Và chỉ có du lịch mới có thể đem lại cho du khách những trải nghiệm đặc biệt, sống động. Hiện nay, thông qua phương thức du lịch để bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên văn hóa dân gian, cần lưu ý, có biện pháp bảo vệ, hoàn nguyên nhằm hạn chế nguy cơ dẫn đến triệt phá di sản, mất đi giá trị đích thực của các di sản văn hóa. Một số hiện trạng đang bị thương mại hóa và mất đi bản sắc như: hiện tượng tranh cướp trong lễ hội đền Trần, ở Sa Pa là tình trạng bán hàng rong, đeo bám khách du lịch của người dân bản địa đã làm mất đi vẻ đẹp ngây thơ chất phác.

Có thể tổ chức các tour du lịch về các làng nghề truyền thống, vừa tự tay thực hiện các hoạt động sản xuất, có thể mua các sản phẩm mang về; hình thức làm giống như làng lụa Hà Đông hay làng gốm Bát Tràng (Hà Nội). Hoặc tour du lịch theo các mùa lễ hội. Hiện nay Đồng Nai đã có loại hình du lịch này, cụ thể là du lịch Tà Lài ở vườn quốc gia Cát Tiên thuộc loại hình du lịch sinh thái cộng đồng; tại đây du khách không chỉ được chiêm ngưỡng hiện vật tĩnh trong nhà truyền thống mà còn được xem biểu diễn công chiêng, múa hát dân tộc, uống rượu cần, xem dệt thổ cẩm, tham quan vườn thuốc nam, ăn những món ăn dân tộc tại địa phương. Có thể thấy chính khách du lịch là một kênh quảng bá thông tin du lịch cũng như thông tin về di sản, bản sắc văn hóa.

#### 4. Bảo tồn thông qua bảo tàng

Tham quan bảo tàng và giới thiệu cho nhiều người cùng tham quan là hoạt động mà bất kỳ ai cũng có thể làm. Đã có một số mô hình về bảo tồn văn hóa dân gian của địa phương thông qua bảo tàng; ví dụ bảo tàng Cội Nguồn của ông Huỳnh Phước Huệ ở Phú Quốc. Giới thiệu về các tín ngưỡng dân gian trên hòn đảo này, bảo tàng bài trí bàn thờ cá Ông, Ông Bồn, Thủy Long, Thánh Mẫu, bà Lớn Tướng Lê Kim Định, bà Kim Giao, ... bên cạnh những hình ảnh, sắc phong, cốt cá Ông như một không gian tâm linh ngay bên trong bảo tàng.

Một hoạt động gắn với bảo tàng, đó là các triển lãm chuyên đề. Triển lãm là một hình thức đưa văn hóa dân gian đến công chúng thuận lợi nhất và đạt được mục đích phục vụ nhiều đối tượng trong cùng khoảng thời gian. Các hình ảnh về những bộ công chiêng quý, những điệu múa dân tộc, những thiết chế văn hóa (đền, đình, chùa, tháp, ...), những món ăn truyền thống, nghề thủ công, trò chơi dân gian, ... sẽ là những bức ảnh khắc sâu vào tâm trí người xem và nó sẽ lưu truyền trong đời sống. Điển hình như Bảo tàng Đồng Nai năm 2017 có tổ chức triển lãm Sắc màu văn hóa các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai; tại đây đã có nhiều khách tới thăm quan, tìm hiểu.



triển lãm Sắc màu văn hóa các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai (nguồn Báo Đồng Nai)

Ngoài thực hiện triển lãm ở viện bảo tàng, thì triển lãm có thể được trưng bày ở nhiều nơi như: trường học, nhà văn hóa, không gian công cộng, nhất là vào những thời điểm gắn với những sự kiện văn hóa, lịch sử trong năm. Người thực hiện triển lãm có thể là chính quyền, có thể là nhóm thiện nguyện trong người dân, đứng ra kêu gọi tài trợ để làm hoặc phối hợp với Bảo tàng.

## 5. Phục dựng các lễ hội truyền thống

Phục dựng các lễ hội truyền thống là một hoạt động cần thiết góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc. Lựa chọn các lễ hội phù hợp để tổ chức phục dựng. Việc lựa chọn những lễ hội có giá trị tiêu biểu, thực sự còn phù hợp với thực tế và nhu cầu của cộng đồng sẽ được người dân đón nhận và tham gia nhiệt tình. Ngược lại, có những lễ hội hiện nay không còn phù hợp với thực tế và nhu cầu của người dân thì việc lựa chọn để phục dựng hiệu quả sẽ không cao. Ví dụ như tổ chức lễ hội mừng lúa mới ở nơi cộng đồng cư dân không còn canh tác lúa từ lâu hoặc lễ cúng bà bóng để trừ tà và chữa bệnh không còn phù hợp trong thời đại ngày nay. Việc lựa chọn lễ hội phù hợp để phục dựng, bảo tồn sẽ góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

Tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng của người dân trong việc bảo tồn và phục dựng lễ hội. Vì các cộng đồng dân cư là chủ thể của lễ hội, là nhân tố chính trong việc phục dựng lễ hội; các cơ quan đơn vị thực hiện chỉ là người điều chỉnh, định hướng để đảm bảo lễ hội được thực hiện đúng với truyền thống, đúng với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Như vậy, ý thức của người dân về việc bảo tồn lễ hội truyền thống sẽ tốt hơn.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, là giải pháp cần thiết để vận động người dân nâng cao nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của lễ hội truyền thống, mục đích, ý nghĩa của việc phục dựng lễ hội và trách nhiệm, nghĩa vụ của cộng đồng. Từ đó người dân nâng cao nhận thức để thực hiện tốt công tác bảo tồn lễ hội truyền thống. Đối với công tác vận động, chủ yếu được thực hiện lâu dài và thường xuyên bằng hình thức trực tiếp, thông qua việc lồng ghép với các sinh hoạt cộng đồng, khu dân cư để người dân hiểu rõ và có nhận thức tốt hơn về bảo tồn lễ hội, cả những lễ hội được phục dựng và những lễ hội có nguy cơ mai một cao. Thực hiện tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền thanh, truyền hình, báo chí, bảng pano, ..

Tạo cơ chế để người dân chủ động hơn, phát huy tối đa vai trò chủ đạo trong việc phục dựng và bảo tồn lễ hội. Đối với những lễ hội có nguy cơ cao bị mai một, cần đưa ra các định hướng phù hợp để người dân có điều kiện duy trì lễ hội lâu dài trong cộng đồng như thông qua việc vận động đóng góp vật chất để tổ chức lễ hội; Đối với những lễ hội đã được phục dựng, cần tạo cơ chế để người dân chủ

động dần trong việc duy trì lễ hội hàng năm, nhằm để người dân có thể nhận thức rõ hơn giá trị, vai trò và ý nghĩa của lễ hội cũng như việc duy trì và bảo tồn lễ hội truyền thống của cộng đồng.

Mở rộng thành phần tham gia lễ hội ngoài Ban tế tự, hương chức, cơ quan chính quyền các cấp địa phương cần khuyến khích các đối tượng thanh thiếu niên tiểu học, trung học, cao đẳng, đại học, ... với tư cách là thành viên của lễ hội. Trước nguy cơ, thách thức: chỉ những người cao tuổi (trên 40 tuổi) mới tham gia là thành viên, Ban tổ chức, ban quản lý cần khuyến khích nhiều thành phần, lứa tuổi khác nhau, trong và ngoài tỉnh tự nguyện gia nhập, với tư cách là những cộng tác viên trong dịp lễ hội truyền thống. Qua những dịp này họ sẽ học hỏi thêm rất nhiều điều bổ ích từ các hội viên trải qua nhiều năm hoạt động.



Lễ Hội chùa Ông với sự tham gia của nhiều thành phần dân cư

Trên cơ sở lễ hội truyền thống, ban tổ chức mời các đơn vị tư vấn, chuyên gia bổ sung nội dung kịch bản lễ hội như thế nào vừa đậm nét văn hóa truyền thống, vừa lôi cuốn thu hút đông đảo du khách tham gia – như một hoạt du lịch văn hóa.

## **6. Xuất bản ấn phẩm, sách về văn hóa dân gian**

Xuất bản e book (sách điện tử) với nội dung về những truyện kể, truyện dân gian, những lễ hội, phong tục, món ăn truyền thống. Nguồn kinh phí có thể huy động từ các tổ chức, cá nhân. Có thể truyền tải các sách này dạng song ngữ như Việt Anh, Việt Pháp, thì có thể phổ biến văn hóa ra toàn thế giới. Có chính sách tài trợ và khuyến khích các công trình nghiên cứu về văn hóa dân gian, có chính sách trợ giá những ấn phẩm về văn hóa dân gian tới tay người đọc.

## **7. Tổ chức thăm quan**

Tổ chức thăm quan các địa chỉ còn lưu giữ những di sản văn hóa dân gian như làng nghề, xem dệt, làm gốm theo cách truyền thống, ... Những hoạt động này nên được tổ chức thường xuyên, khuyến khích các em học sinh tham gia, sẽ bồi đắp và nâng cao ý thức hiểu biết về văn hóa dân gian cho các em.

## Kết luận

Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai, đã ghi dấu hào khí của mảnh đất “*miền Đông gian lao mà anh dũng*”. Ngày nay, Đồng Nai là một trong những địa bàn phát triển kinh tế năng động ở phía Nam đất nước. Quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đồng Nai đã tiếp tục nâng tầm thành vùng đất mở thu hút các nguồn nhân lực đến sinh sống, làm việc. Sự cộng cư nhiều thành phần dân tộc qua quá trình phát triển đã làm cho sắc thái về tộc người và văn hóa của vùng đất này thêm đa dạng trên nhiều lĩnh vực. Trong 320 năm, ở đây đã diễn ra quá trình giao lưu văn hóa sống động, tạo nên các nét đặc trưng của vùng văn hóa. Giao lưu ảnh hưởng ở đây trước nhất là giữa các tộc người, giữa cư dân địa phương với nhau và giao lưu ảnh hưởng với bên ngoài. Văn hóa Đồng Nai khá phong phú do nhiều yếu tố tác thành. Trong dòng chảy văn hóa của đất nước nói chung, của Nam Bộ nói riêng, văn hóa của Đồng Nai có một vị trí quan trọng bởi đây là vùng đất được xem là địa đầu trong quá trình khai khẩn Nam Bộ. Nhận diện giá trị các nguồn di sản văn hóa mà thế hệ tiền nhân gây dựng là một việc làm có ý nghĩa thiết thực khi chúng ta đang tập trung cho công cuộc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

Đến với Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai 2018, thực sự giúp ích cho tôi – một người con xa xứ chọn Đồng Nai là miền “đất lành chim đậu” trở thành quê hương thứ hai – được nhận thức và hiểu biết nhiều hơn về truyền thống đấu tranh cách mạng anh hùng của nhân dân Biên Hòa, hiểu sâu sắc hơn về các tập quán tín ngưỡng của cộng đồng dân cư nơi đây. Từ đó, bản thân tôi càng thêm yêu quý mảnh đất Đồng Nai, miền đất còn lưu giữ nhiều truyền thống lịch sử - văn hóa nhưng cũng là một miền đất cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận và hướng về cái mới.

## PHỤC LỤC

### VĂN TẾ, NGHI TẾ TRONG LỄ KỶ YÊN TẠI ĐÌNH AN HÒA



Đình An Hòa xưa kia thuộc làng Bền Gõ, thuộc xã An Hòa; nay thuộc xã An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Đình An Hòa thờ Thành Hoàng bốn cảnh, và những vị tiên hiền, hậu hiền có công khai phá, mở mang làng, xã. Sắc phong hiện lưu tại đình cho thấy được sắc vào ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức ngũ niên (1852)

Lễ Kỳ yên đình An Hòa, Bền Gõ diễn ra vào khoảng giữa tháng tám âm lịch, trùng vào dịp Trung thu. thu hút nhiều người dân trong và ngoài địa phương đến tham dự. Đáo lệ 3 năm, đình tổ chức đại lễ Kỳ yên với nhiều nghi thức, hoạt động đa dạng. Tại võ ca của đình, diễn ra hát bội do gánh hát của người dân Bền Gõ đảm trách, tổ chức lệ xô giàn, đua ghe với một không khí náo nhiệt.

Tác giả tham quan đình An Hòa

#### 1. Sắc phong đình An Hòa

##### Phiên âm:

“Sắc An Hòa Thành Hoàng chi thần, Nguyên tặg Bảo an chính trực hữu thiện chi Thần hộ quốc tỵ dân, nhâm tứ linh ứng tứ.

Kim phi ưng, cảnh mệnh miễn niệm thần hựu, khả gia tặg: Bảo an, chánh trực, hữu thiện, đôn ngưng chi thần.

Nhưng chuẩn Long Thành huyện, An Hòa thôn, y cựu phụng sự thần, kỳ tương hựu bảo ngã lê dân

Khâm tai.

Tự đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu nhật”

##### Tạm dịch:

*Sắc phong Thần Thành Hoàng An hòa, trước đã tặng là thần bảo an, chánh trực, hữu thiện. Thần luôn bảo vệ đất nước, che chở nhân dân, biểu hiện nhiều lần linh ứng.*

*Trẫm nay nhận lãnh mệnh trời, lòng luôn ghi nhớ công đức của Thần, nên tặng thêm là Thần bảo an, chánh trực, hữu thiện, đôn ngưng.*

*Vẫn chuẩn y cho thôn An hòa, huyện Long Thành, theo lệ cũ thờ phụng thần, hầu Thần tiếp tục giúp đỡ, bảo vệ con dân của trẫm.*

*Hãy thành khẩn thi hành sắc này!*

*Năm Tự Đức thứ 5, ngày 29 tháng 11.*



## 2. Văn Tế thần thành hoàng đình An hòa

### Phiên âm:

Tuế thứ ... niên, kiến .... Nguyệt ... nhật, việt .. nhật chi lương thần, Long Thành huyện, Long Vĩnh Thượng tổng, An Hòa thôn. Bồn thôn, bồn hội, bồn ấp, bồn lân, tịnh nam phụ lão ấu đại tiểu đẳng.

Cầu dĩ cam lạp, tư thỉnh, thanh trước, thứ phẩm chi nghi, cảm chiêu cáo vu

Đại Càn Hoàng Triệu Quốc Gia Nam Hải Diệu ứng Hiền Hựu, Mặc tướng Nghiêm Lương, Thành Triết Phổ Minh, Dĩnh Đạt Hiệu Ân, Điệp Đức Quảng Đại Cao Minh Bác Hậu, Chiếu Giám Cảm ứng Tứ vị thánh nương nương  
Tông Thiên Quốc sư Minh Hoàng đại vương Thái Tổ Cao Hoàng Đế

Thái Tông Thuần Hoàng Đế

Thiên hạ Đô thành Hoàng

Bồn cảnh Thành Hoàng hiển hách Tôn thần

Tả Đông Chinh Dực Thánh Thành Hoàng

Hữu Đông Chinh phổ Quảng Thành Hoàng

Chính sát Hải hoàng minh tử Lãnh Quân tô, Hồ Đại liêu

Đương niên ... Hành khiển ... Hành binh chi thần, chi vị. Quảng sát Á vương Tứ đầu Nhà Cầm, Thần nông, Hoàng đế, Hậu tặc, Ngũ hành Thánh nương tôn thần.

Tả ban liệt vị tôn thần

Hữu ban liệt vị tôn thần

### Tạm dịch:

*Kính.*

*Năm .. tháng ... ngày ... sang ... tốt lành,*

*Tại huyện Long Thành, tổng Long Vĩnh Thượng, làng An Hòa, toàn thể nam nữ, già trẻ lớn nhỏ trong bồn thôn, bồn hội, bồn ấp, bồn xóm.*

*Kính cẩn dâng nghi lễc gồm thịt heo tươi trọn con, xôi và rượu cùng các thứ phẩm, kính cáo cùng các vị:*

*Đại càn hoàng triệu quốc gia nam hải diệu ứng Hiền Hựu, mặc tướng Nghiêm Lương, Thành Triết Phổ Minh, Dĩnh Đạt Hiệu Ân, Điệp Đức Quảng Đại cao Minh Bác Hậu, Chiếu giám cảm ứng ...*

*Bốn vị Thánh nương nương*

*Tông Thiên Quốc Sư minh hoàng đại vương*

*Thái tổ cao hoàng đế*

*Thái tông trần hoàng đế*

*Thiên hạ đô thành hoàng.*

*Tôn thần hiển hách thành hoàng bồn cảnh.*

*Tả đông chinh dực thánh thành hoàng*

*Hữu Đông Chinh phổ Quảng Thành Hoàng*

*Chính sát Hải hoàng minh tử Lãnh Quân tô, Hồ Đại liêu*

*Các thần ... hành khiển hành binh năm nay*

*Hai vị ...*

*Á vương quân sát bốn loại gia cầm*

*Các vua thần nông, hoàng đế, hậu tặc*

*Các tôn thần Ngũ hành thánh nương*

Kỷ mùi khoa tiến sĩ Phi vận Tướng quân Tùng Giang Văn Trung  
Chính Huyền tôn Thần.

Tiền vãng hậu lai, tiền khai hậu khản, chư cổ danh tướng chư tôn  
Thần. Tiên sư, táo quân, trụ trạch, hà bá, Thủy quan, Sơn xuyên,  
Nhạc độc đẳng chư tôn Thần.

Hiển cao tổ khảo thiệu hueu sáng nghiệp khoan hồng bắc hậu, ôn  
huệ từ tường hiếu nghĩa vương.

Hiển tăng tổ khảo anh mô hùng lược, thánh văn tuyên đạt, khoan  
từ nhân thứ hiếu minh vương

Hiển tổ tuyên quang chiếu liệt huệ triết tĩnh vệ kinh văn, trác võ  
hiếu ninh vương

Hiển khảo tuyên cang uy đoán thần nghị thánh hiển nhân từ trí hiếu  
triết vương

Thiên y A na diển phi, chúa tiên, chúa ngọc, chúa man tôn thần

Tam giới thánh hiền, ngũ phương thổ công khai khản thành điền,  
bách cốc thổ chủ tôn thần

Bạch mã thái giám, tứ vị á Vương Tôn thần

Tả trà (tà) viên tướng quân

Hữu trà (tà) viên tướng quân

Quốc gai nam việt lang thát nhị đại tướng quân. Sơn lâm chủ  
tướng, trần chủ hổ lang, Các liệt vị thổ Địa, Kỳ thần, Á rặc, đẳng

xứ Chăm chợ, Mọi Rợ

Hữu danh vô vị, Hữu vị vô danh

Các các liệt vị chí sĩ, liệt vị chiến sĩ, hoặc giải thoát khổ luân ...  
đồng lai ... phối hưởng.

Viết:

Bách nghệ đãi nhân nhi hành. Tê tự dĩ văn vi quý

*Tả ban liệt vị tôn thần*

*Hữu ban liệt vị tôn thần*

*Tôn thần tông giang văn trung chánh huyền phi vận tướng quân,  
tiến sĩ khóa Kỷ Mùi (đời Lê)*

*Các tôn thần trước đây và đời nay, trước khai sau khản*

*Các tôn thần nguyên danh tướng thời xưa*

*Các tôn thần tiên sue, táo quân, trụ trạch, hà bá, thủy quan, núi  
song, nhạc độc.*

*Hiển cao tổ khảo thiệu huu sáng nghiệp khoan hồng bắc hậu, ôn  
huệ từ tường hiếu nghĩa vương.*

*Hiển tăng tổ khảo anh mô hùng lược, thánh văn tuyên đạt, khoan  
từ nhân thứ hiếu minh vương*

*Hiển tổ tuyên quang chiếu liệt huệ triết tĩnh vệ kinh văn, trác võ  
hiếu ninh vương*

*Hiển khảo tuyên cang uy đoán thần nghị thánh hiển nhân từ trí  
hiếu triết vương*

*Các tôn thần Thiên y A Na diển phi, bà chúa tiên, bà chúa Ngọc,  
bà chúa Man.*

*Các tôn thần Thánh hiền ba giới, Thổ công năm phương, khai khản  
thành ruộng nương, chủ đất trăm thứ lúa đậu*

*Tôn thần Thái Giám Bạch Mã, bốn vị Á vương*

*Tả trà viên tướng quân*

*Hữu trà viên tướng quân*

*Các vị thần là hai đại tướng quân Sói Rái, chúa tướng núi rừng,  
chúa sói cạp*

*Các thần Thổ địa, Á rặc khắp nơi, mọi rợ, chợ chàm*

*Các vị có tên không vị, hoặc có vị mà không có tên*

Ngưỡng khấu thốn thành, cảm thông chư vị. Nguyễn hưng thịnh  
nhân khang vật phụ, hộ nhân dân phước lộc trùng trùng, cầu bá  
tánh bình an thịnh trị, Lễ tề hưng hương đảng duy thành. Lễ tạ Kỳ  
yên hộ hương lân phú quý tăng long.  
Văn chiêm bái khô khoa đấng bái  
Vũ đề danh thao lược dương danh  
Nông mạch huệ tăng gia sản xuất  
Công kỳ tài nghệ xuất sanh tài  
Thương phát giá trùng trùng vĩnh lợi  
Diệp sở vi nhật nhật an khương  
Ngưỡng lai tôn thân chi gia huệ đã  
Phục duy .. cần cáo

*Các vị chí sĩ, chiến sĩ, nếu như đã thoát khỏi vòng khổ sở luân hồi  
...  
Mời cùng tới phối hưởng  
Cầu xin rằng:  
Trăm nghề nương người mà thi hành. Té tự lấy văn bài làm quý.  
Ngưỡng trông tác lòng thành cảm thông cùng quý vị  
Nguyễn hưng thịnh người khang vật tốt, hộ độ nhân dân phước lộc  
tràn đầy. Cầu trăm họ bình yên thịnh trị. Kính lễ thành tựu toàn  
ban hương chức, cầu an phù hộ xóm làng giàu có tăng đầy.  
Văn thì bái hỏ đề tên đỗ đầu khoa thi  
Võ thì bái vàng rạng danh trang thao lược  
Nông nghiệp ban ơn tăng gia sản xuất lúa thóc  
Công nghiệp nhờ tài nghệ tạo ra nhiều của cải  
Thương nghiệp mua may bán đắt thu nhiều lợi lộc  
Mọi việc từ trước tới giờ ngày càng an khang  
Cúi mong tôn Thần ban thêm ơn huệ  
Kính cần báo cáo*

### 3. Văn tế Tiên hiền – Hậu hiền đình An Hòa

#### Phiên âm:

Tuế thứ ... niên kiến .. nguyệt ... sóc việt thập ngũ nhật .. lương  
thần

Long Thành huyện, An Hòa xã

Chánh tế ...

Bồi tế ...

Tả chiêu ...

Hữu mục ...

Hiệp nội thôn đại tiểu đẳng, cần dĩ phi nghi

Cảm chiêu cáo vu

Truy viễn chi vị

Tiên tẩn chi vị

Hậu tẩn chi vị

Kị,

Hữu danh vô vị

Hữu vị vô danh

Cập viễn cận đẳng hồn, đồng phối tế hưởng

Cung duy,

Tân ký thăng, cựu ký một, vật lý cô đương nhiên. Mộc hữu bản,  
thủy hữu nguyên,, nhân tâm duy thử nhĩ!

Tư nhân tiết chí đông thiên, bản thôn kỳ yên lẽ lẽ, truy thuật tiên  
trung, liên trần bạc lễ, thốn thành bất sáng u tu du, nhất diệm vô  
cùng ư tịch mịch. Tiên dĩ tẩn, tế dĩ tảo. Niệm niệm không tương,  
tư như sanh, vong như tồn. Quý quý bất dĩ, phiêu phiêu nhiên nhất  
triện long diên, doanh doanh trước tam bôi bạc lễ, nguyện cảm

#### Tạm dịch:

*Năm tháng: năm ... kiến .. tháng .. sóc qua ngày 15 .. ngày tốt  
Huyện Long Thành, làng An Hòa*

*Chánh tế, ông ..*

*Bồi tế, ông ..*

*Tả chiêu ..*

*Hữu mục ...*

*Cùng tất cả già trẻ, lớn bé trong làng, kính cẩn dâng nghi thức sơ  
sài, kính cẩn bảm báo cùng:*

*Linh vị bậc xa xưa*

*Linh vị tiên tẩn*

*Linh vị hậu tẩn*

*Cùng,*

*Các vị có tên không cương vị, có cương vị không có tên và tất cả  
linh hồn xa gần, cùng hưởng tế phối*

*Kính thỉnh,*

*Mới mọc lên thì cũ lặn mất, đó là lý đương nhiên của vật lý. Cây  
có gốc, nước có nguồn, lòng người đều như thế vậy. Nay đây, nhân  
tiện đến ngày Đông, theo lệ là lễ Kỳ yên tại làng này. Truy thuật  
dấu cũ, tạm bày lễ mọn, tác lòng thành chẳng thiếu trong phút  
giây, một niệm không cùng nơi tịch mịch. Cúng dùng cỏ tẩn, tế  
dùng cỏ tảo. Niệm niệm không tương, chết như sống, mất như còn.  
Kính sợ chẳng dứt, phơi phơi nhất triện long diên.*

*Rót đầy 3 chén rượu lạt, nguyện người xưa cảm cách nơi sơ chung,  
hầu chén tạc chén thù nơi một hai. Cúi mong người xưa trước rú*

cách ư sơ chung, thứ tạc thù ư nhất nhị. Ngưỡng thù đức trạch, ân đức phù hộ cho trong làng cùng ăn mừng nhất đường. Thiệp  
hộ thôn trung cộng khánh nhất đường. Thiệp giáng tinh thần hộ lý giáng tinh thần hộ trì trong thôn mãi ghi chôn muôn năm.  
nội vĩnh lưu ư vạn tải  
Phục duy cần cáo

### **Tài liệu tham khảo**

1. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng (2013), Đồng Nai – góc nhìn văn hóa, NXb Đồng Nai
2. Huỳnh Văn Tới (2014), Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ, NXB Đồng Nai
3. Bảo tàng Đồng Nai (2013), Nghi và văn cúng chữ Hán ở thành phố Biên Hòa, NXB Đồng Nai
4. Nguyễn Yên Tri (2004), Truyện kể về Đồng Nai đất nước, con người, NXB Giáo dục
5. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1998), Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, NXB Đồng Nai
6. Huỳnh Ngọc Trảng, Địa chí Đồng Nai – tập 3 – Lịch sử, NXB Đồng Nai
7. Huỳnh Ngọc Trảng, Địa chí Đồng Nai – tập 5 – Văn hóa xã hội, NXB Đồng Nai

## THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ tên: Nguyễn Thị Hạnh

Năm sinh: 12/11/1986

Giới tính: Nữ

Nơi công tác: Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ – Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0369.6930.83

Email: hanhnguyen1211@gmail.com